

Ô MAI	烏梅	<i>Prunus Mume</i> Sieb. et Zucc.
Ô TẶC CỐT	烏賊骨	<i>Sepia Esculenta</i> Hoyle
PHÁ CỐ CHÌ	(XEM BỎ CỐ CHÌ)	
PHÁC TIÊU	樸消	<i>Natrium Sulfuricum</i>
PHẬT THỦ	沸手	<i>Citrus Medica</i> L. Var <i>Sarcodactylus</i> Sw.
PHI TỬ	榧子	<i>Torreya Grandis</i> Fort.
PHÒNG KÝ	防己	<i>Stephania Tetrandra</i> S. Moore
PHÒNG PHONG	防風	<i>Saposhnikovia Divaricata</i> (Turc) Schischk
PHÙ BÌNH	浮萍	<i>Pistia Stratiotes</i> L.
PHỤ TỬ	(XEM BẠCH PHỤ TỬ VÀ Ô ĐẦU)	
PHỤC LONG CAN	伏龍肝	<i>Terre Flava Usta</i>
QUA LÂU NHÂN	瓜婁仁	<i>Trichosanthes Kirilowii</i> Maxim.
QUÁN CHÚNG	貫眾	<i>Cyrtomium Fortunei</i> J. Sm.
QUẾ	桂	<i>Cinnamomum</i> Sp.
QUẤT BÌ	(XEM TRẦN BÌ)	
QUY BẢN	龜板	<i>Chinemys Reevesii</i> (Gray)
QUỲ TỬ	(XEM ĐÔNG QUỲ TỬ)	
QUYẾT MINH TỬ	決明子	<i>Semen Cassiae</i>
SA NHÂN	砂仁	<i>Amomum Xanthioides</i> Wall.
SA SÂM	沙參	<i>Glehnia Littoralis</i> F. Schmidt
SÀI ĐẤT	蟛蜞菊	<i>Wedelia Calendulacea</i> Less.
SÀI HỒ	柴胡	<i>Bupleurum Falcatum</i> L.
SINH ĐỊA	生地	<i>Rehmannia Glutinosa</i> Libosch.
SƠN ĐẬU CĂN	山豆根	<i>Sophora Subrostrata</i> Chun et T. Chen
SƠN DƯỢC	(XEM HOÀI SƠN)	
SƠN THÙ	山茱萸	<i>Cornus Officinalis</i> Sieb. et Zucc.
SƠN TRÀ	山楂	<i>Crataegus Cuneata</i> S. et Z.
SỬ QUÂN TỬ	使君子	<i>Quisqualis Indica</i> L.
TAM LĂNG	三菱	<i>Scirpus Yagara</i> Ohwi
TÀM THẤT	三七	<i>Panax Pseudo-Ginseng</i> Wall.
TANG BẠCH BÌ	桑白皮	<i>Cortex Mori Radicis</i>
TANG DIỆP	桑葉	<i>Folium Mori</i>

TANG KÝ SINH	桑寄生	<i>Loranthus Parasiticus</i> (L.) Merr.
TANG PHIÊU TIÊU	桑螵蛸	<i>Ootheca Mantidis</i>
TAO GIÁP	皂角	<i>Gleditschia Australis</i> Hemsl.
TAO GIÁC THÍCH	皂角刺	<i>Spina Gleditschiae</i>
TAO GIÁC	(XEM TAO GIÁC)	
TÁO NHÂN	(XEM TOAN TÁO NHÂN)	
TAO PHÀN	皂礬	<i>Melanteritum</i>
TÂN DI	辛夷	<i>Magnolia Liliflora</i> Desrousseaux
TÂN LANG	檳榔	<i>Areca Catechu</i> L.
TÂN CỦU	秦艽	<i>Justicia Gendarussa</i> L.
TÂN GIAO	秦茭	<i>Gentiana Dahuica</i> Fisch.
TÊ GIÁC TIỀM	犀角尖	<i>Rhinoceros Unicornis</i> L.
TẾ TÂN	細辛	<i>Asarum Sieboldii</i> Miq.
THẠCH CAO	石膏	<i>Gypsum</i>
THẠCH HỘC	石斛	<i>Dendrobium Nobile</i> Lindl.
THẠCH LƯU	石榴	<i>Punica Granatum</i> L.
THẠCH QUYẾT MINH	石決明	<i>Haliotis</i> Sp.
THẠCH XƯƠNG BỒ	石菖蒲	<i>Acorus Gramineus</i> Soland.
THANH CAO (HAO)	青蒿	<i>Artemisia Apiacea</i> Hance
THANH ĐẠI	青黛	<i>Strobilantes Flaccidifolius</i> Nees
THẢO QUÀ	草果	<i>Amomum Tsao-Ko</i> Crév. Et Lem.
THẮNG MA	升麻	<i>Cimicifuga Foetida</i> L.
THIỀM THỪ	蟾蜍	<i>Bufo Vulgaris</i> Schil.
THIÊN HOA PHẨN	天花粉	<i>Trichosanthes Kirilowii</i> Maxim.
THIÊN MA	天麻	<i>Gastrodia Elata</i> Blume
THIÊN MÔN (ĐÔNG)	天門冬	<i>Asparagus Cochinchinensis</i> (Lour.) Merr.
THIÊN NIÊN KIỆN	千年健	<i>Homalomena Aff. Sagittaeifolia</i> Jungh.
THỎ TY TỬ	菟絲子	<i>Cuscuta Chinensis</i> Lamk.
THỔ PHỤC LINH	土茯苓	<i>Smilax</i> Sp.
THỰC ĐỊA	熟地	<i>Rehmania Glutinosa</i> Libosch.
THUYỀN THOÁI	退	<i>Cryptotympama Pustulata</i> Fabricius
THỦ NIÊM TÙ	(XEM NGƯU BÀNG TÙ)	

THỰC DIỆM	食鹽	<i>Natrium Chloridum Crudum</i>
THƯỢC DƯỢC	(XEM THÊM BẠCH THƯỢC VÀ XÍCH THƯỢC)	
THƯƠNG NHĨ TỬ	蒼耳子	<i>Xanthium Strumarium L.</i>
THƯƠNG TRUẬT	蒼術	<i>Atractylodes Lancea (Thunb.) DC.</i>
THƯỜNG SƠN	常山	<i>Dichroa Febrifuga Lour.</i>
TIỀN HỒ	前胡	<i>Peucedanum Decursivum (Miq.) Maxim.</i>
TOAN TÁO NHÂN	酸棗仁	<i>Zizyphus Jujuba Lamk.</i>
TOÀN YẾT	全蠍	<i>Buthus Martensii Karsch</i>
TOÀ DƯƠNG	鎖陽	<i>Balanophora Sp.</i>
TÔ MỘC	蘇木	<i>Caesalpinia Sappan L.</i>
TRẠCH TÀ	澤寫	<i>Alisma Plantago-Aquatica L.</i>
TRÁC BÁCH ĐIỆP	側柏葉	<i>Thuja Orientalis L.</i>
TRẦM HƯƠNG	沉香	<i>Aquilaria Agallocha Roxb.</i>
TRẦN CHÂU	珠珍	<i>Margarita</i>
TRẦN BÌ	陳皮	<i>Citrus Deliciosa Tenore</i>
TRI MÃU	知母	<i>Anemarrhena Asphodeloides Bunge</i>
TRINH NỮ HOÀNG CUNG		<i>Crinum latifolium L.</i>
TRÚC ĐIỆP	竹葉	<i>Lophatherum Gracile Brongn.</i>
TRÚC LỊCH	竹瀝	<i>Succus Bambusae</i>
TRÚC NHƯ	竹若	<i>Caulis Bambusae In Taenias</i>
TRƯ LINH	豬苓	<i>Polyporus Umbellatus Fries</i>
TỤC ĐOẠN	續斷	<i>Dipsacus Japonicus Miq.</i>
TỬ HÀ XA	紫何車	<i>Placenta Hominis</i>
TỬ TÔ	紫蘇	<i>Herba Perillae</i>
TỬ TÔ TỬ	紫蘇子	<i>Fructus Perillae</i>
TỬ UYỄN	紫苑	<i>Aster Tataricus L.</i>
TƯỢNG BÌ	象皮	<i>Corium Elephatis</i>
TY QUA	絲瓜	<i>Luffa Cylindrica (L.) Roem.</i>
TỲ BÀ ĐIỆP	枇杷葉	<i>Eriobotrya Japonica Lindl.</i>
TỲ GIẢI	草薢	<i>Dioscorea Tokoro Makino</i>
TỲ MA TỬ	蓖麻子	<i>Semen Ricini</i>
UẤT KIM	鬱金	<i>Curcuma Longa L.</i>

TANG KÝ SINH	桑寄生	<i>Loranthus Parasiticus</i> (L.) Merr.
TANG PHIÊU TIÊU	桑螵蛸	<i>Ootheca Mantidis</i>
TAO GIÁP	皂角	<i>Gleditschia Australis</i> Hemsl.
TAO GIÁC THÍCH	皂角刺	<i>Spina Gleditschiae</i>
TAO GIÁC	(XEM TẠO GIÁC)	
TÁO NHÂN	(XEM TOAN TÁO NHÂN)	
TAO PHÀN	皂礬	<i>Melanteritum</i>
TÂN DI	辛夷	<i>Magnolia Liliflora</i> Desrousseaux
TÂN LANG	檳榔	<i>Areca Catechu</i> L.
TÂN CỦU	秦艽	<i>Justicia Gendarussa</i> L.
TÂN GIAO	秦茭	<i>Gentiana Dahuica</i> Fisch.
TÊ GIÁC TIÊM	犀角尖	<i>Rhinoceros Unicornis</i> L.
TẾ TÂN	細辛	<i>Asarum Sieboldii</i> Miq.
THẠCH CAO	石膏	<i>Gypsum</i>
THẠCH HỘC	石斛	<i>Dendrobium Nobile</i> Lindl.
THẠCH LƯU	石榴	<i>Punica Granatum</i> L.
THẠCH QUYẾT MINH	石決明	<i>Haliotis Sp.</i>
THẠCH XƯƠNG BỒ	石菖蒲	<i>Acorus Gramineus</i> Soland.
THANH CAO (HAO)	青蒿	<i>Artemisia Apiacea</i> Hance
THANH ĐẠI	青黛	<i>Strobilantes Flaccidifolius</i> Nees
THẢO QUÀ	草果	<i>Amomum Tsao-Ko</i> Crév. Et Lem.
THÄNG MA	升麻	<i>Cimicifuga Foetida</i> L.
THIỀM THỪ	蟾蜍	<i>Bufo Vulgaris</i> Schil.
THIÊN HOA PHẦN	天花粉	<i>Trichosanthes Kirilowii</i> Maxim.
THIÊN MA	天麻	<i>Gastrodia Elata</i> Blume
THIÊN MÔN (ĐÔNG)	天門冬	<i>Asparagus Cochinchinensis</i> (Lour.) Merr.
THIÊN NIÊN KIỆN	千年健	<i>Homalomena Aff. Sagittaefolia</i> Jungh.
THỎ TY TỬ	菟絲子	<i>Cuscuta Chinensis</i> Lamk.
THỔ PHỤC LINH	土茯苓	<i>Smilax Sp.</i>
THỰC ĐỊA	熟地	<i>Rehmania Glutinosa</i> Libosch.
THUYỀN THOÁI	退	<i>Cryptotympama Pustulata</i> Fabricius
THỦ NIÊM TỬ	(XEM NGƯỜI BÀNG TỬ)	

UY LINH TIÊN	威靈仙	<i>Clematis Chinensis</i> Osbeck
VÂN CÁP	文蛤	<i>Meretrix Lusoria</i> Gmelin
VIỄN CHÍ	遠志	<i>Polygala Tenuifolia</i> Willd.
VƯƠNG BÁT LUU HÀNH	王不流行	<i>Vaccaria Piramidata</i> Medie
XA TIỀN TỬ	車前子	<i>Semen Plantaginis</i>
XÀ SÀNG TỬ	蛇床子	<i>Fructus Cnidii</i>
XÀ THOÁI	蛇 蛇	<i>Periostracum Serpentis</i>
XẠ CAN	射 干	<i>Belamcanda Chinensis</i> (L.) DC.
XẠ HƯƠNG	麝香	<i>Moschus Moschiferus</i> L.
XÍCH THƯỢC	赤 药	<i>Paeonia Lactiflora</i> Pall.
XÍCH TIẾU ĐẬU	赤 小豆	<i>Phaseolus Angularis</i> Wight
XUYÊN BỐI MÃU	川貝母	<i>Bulbus Fritillariae Cirrhosae</i>
XUYÊN KHUNG	川芎	<i>Ligusticum Wallichii</i> Franch.
XUYÊN Ô	(XEM Ô ĐẦU)	
XUYÊN SƠN GIÁP	穿山甲	<i>Manis Pentadactyla</i> L.
XUYÊN TIÊU	川椒	<i>Zanthoxylum Simulans</i> Hance
Ý DĨ NHÂN	薏苡仁	<i>Coix Lachrymai Jobi</i> L.

## VIII. BẢNG TRA CỨU CÁC VỊ THUỐC XẾP THEO LOẠI BỆNH

<b>I. An thai</b>		<b>29. Thuyền thoái</b>	796	<b>30. Trắc bách diệp</b>	287
1. A Giao	945	30. Thược dược	65	<b>IV. Bán thân bất toại</b>	
2. Bạch truật	391	31. Toan táo nhân	788	1. Giun đất	976
3. Canh châu	670	32. Tóc rối	1006	2. Tầm sa	1002
4. Cù gai	42	33. Tục đoạn	821	3. Rắn	988
5. Dâu tằm	720	34. Trầm hương	435	4. Thạch sùng	1055
6. Đỗ trọng	309	35. Trần châu	670,797	<b>V. Báng</b>	
7. Ngải cứu	36	36. Võng nem	787	1. Sòi	246
8. Tang ký sinh	720	37. Xạ hương	995	2. Xạ can	653
9. Tía tô	648	38. Xấu hổ	794	3. Xương rồng	565
10. Tục đoạn	821	<b>III. Bạch đới - Khí hư</b>		<b>VI. Bóng</b>	
<b>II. An thân - ngũ - nhúc đầu</b>		1. Bạch biến đậu	389	1. Bạch đàn	742
1. Ba gạc	301	2. Bạch đồng nữ	37	2. Nhọ nồi	293
2. Bình vôi	505	3. Cau đắng	305	3. Thuốc bóng	116
3. Bọ cạp	964	4. Cầu tích	490	4. Tràm và khuynh diệp	740
4. Cào bẩn	95	5. Chua me đất hoa vàng	236	<b>VII. Bổ dương - Bổ dáng</b>	
5. Câu đắng	305	6. Cò bợ	238	1. Ba kích	303
6. Chu sa, thân sa	802	7. Dâm bụt	99	2. Bạch biến đậu	389
7. Cúc áo	120,562	8. Hà thủ ô	833	3. Bạch truật	391
8. Đẳng tân thảo	223	9. Hạ khô thảo	79	4. Bàn long sâm	830
9. Độc hoạt	507	10. Hẹ	724	5. Bạng hoa	857
10. Hầu táo	982	11. Hồ đào	895	6. Bồ công anh	72
11. Hoa nhài	791	12. Huyết dụ	287	7. Bưởi bung	83
12. Hổ phách	985	13. Kha tử	427	8. Cải xoong	875
13. Khương hoạt	664	14. Khiếm thực	846	9. Cao ban long	942
14. Kim anh	892	15. Kim anh	892	10. Cầu tích	490
15. Lạc tiên	782	16. Long cốt	1042	11. Đan sâm	818
16. Long cốt	1042	17. Lộc giác	941	12. Đẳng sâm	811
17. Long đởm thảo	375	18. Mẫu lệ	483	13. Đầu xương	492
18. Long nhän	790	19. Mộc hương	396	14. Đầu đen	239
19. Mật ong	954	20. Nhàn	306	15. Đinh lăng	828
20. Nghệ	227	21. Nhội	61	16. Đỗ trọng	303
21. Ngưu hoàng	789	22. Phèn chua	1046	17. Đông trùng hạ thảo	882
22. Nhân sâm	804	23. Quán chúng	175	18. Dương quy	55
23. Phục linh	222	24. Quy bản và cao quy bản	1000	19. Gác, hạt gác	885
24. Sen	783	25. Rau má	631	20. Hà thủ ô	833
25. Sơn tra	355	26. Rau sam	184	21. Hẹ	724
26. Thạch sùng	1005	27. Sà sàng	82	22. Hoàng kỳ	887
27. Thiên trúc hoàng	800	28. Tàng phiêu tiêu	723	23. Hoàng tinh	841
28. Thông thảo	224	29. Thược dược	65	24. Hổ cốt (xương hổ)	979

25. Hồ đào	895	6. Bồ cu vē	93	59. Thạch quyết minh	464, 486
26. Huyết lịnh	951	7. Cao ban long	942	60. Thanh tương tử	291
27. Kẹo mạch nha	891	8. Cầu tích	490	61. Thiên môn đông	713
28. Khì	982	9. Chi tử	225	62. Tóc	1006
29. Khô sâm	825	10. Chỉ thiên	75	63. Tỏi lào	145
30. Khởi tử	850	11. Cỏ nến	284	64. Trắc bách diệp	287
31. Long đởm thảo	375	12. Cò tranh	219	65. Trúc nhụ	651
32. Long nhãn	790	13. Cốt khí	506	66. Tục đoạn	821
33. Lộc giác	941	14. Cứt lợn	494	67. Tử uyển	738
34. Lục phàn	1044	15. Da voi	1007	68. Tỳ bà diệp	718
35. Mạch môn đông	715	16. Dâu tằm	720	<b>IX - Cháy (trù)</b>	
36. Mẫu lê	483	17. Duyên đơn	1038	1. Bách bộ	160
37. Miết giáp	985	18. Đan sâm	818	2. Na	622
38. Nam sâm	823	19. Đạm trúc diệp	608	3. Thủ ngân	1049
39. Nga truật	377	20. Đào nhân	706	<b>X - Chốc dầu</b>	
40. Ngọc trúc	843	21. Đồng tiên	973	1. Bạch thảo sương	293
41. Ngũ gia bì	379,395	22. Đu đủ	360	2. Bạch đồng nữ	37
42. Nhân sâm	804	23. Dương quy	55	3. Bồ kết	732
43. Nhân trung bạch	986	24. Hoa hiên	240	4. Cảo bản	95
44. Nhung	937	25. Hoa hòe	298	5. Hồ đào	895
45. Phá cổ chi	856	26. Hoàng cầm	311	<b>XI - Dạ dày</b>	
46. Phụ tử và ô đầu	878	27. Huyết dụ	287	1. Ba đậu	449
47. Quy bản	1000	28. Kẽ nội kim	363	2. Bạc hà	595
48. Rau đay	398	29. Khởi tử	850	3. Cà độc được	700
49. Rau thai	946	30. Kim anh	892	4. Cam thảo	863
50. Rắn	988	31. Kinh giới	611	5. Cao lương khương	385
51. Bổ chính sâm	813	32. Long cốt	1042	6. Đậu khấu	402
52. Sinh địa	837	33. Long nha thảo	285	7. Đu đủ	360
53. Sữa (cây)	853	34. Lô cam thạch	1043	8. Hàm ếch	493
54. Tam thất (cây)	289	35. Lộc giác	941	9. Hạt mơ	703
55. Tang thâm	723	36. Lục phàn	1044	10. Hoài sơn	848
56. Tắc kè	951	37. Mẫu lê	483	11. Hoắc hương	374
57. Tề thái	636	38. Mộc tắc	242	12. Ích trí nhân	405
58. Thạch hộc	638	39. Murop	60	13. Khô sâm	825
59. Thạch tín	1048	40. Nghệ	283	14. Khôi	481
60. Thiên lý	64	41. Nghệ	227	15. Mật ong	954
61. Thiên môn đông	713	42. Ngũ linh chi	988	16. Mật gấu	503
62. Thủ cao ly sâm	815	43. Nhàng	306	17. Mẫu lê	483
63. Thủ ty tử	852	44. Nhọ nồi	293	18. Mộc hương	396
64. Tỏi lào	145	45. Ô rô	63	19. Nhân sâm	804
65. Trần bì	384	46. Ô tac cốt	485	20. Nielsing	665
66. Trâu cổ	854	47. Phèn chua	1046	21. Núc nác	726
67. Tục đoạn	821	48. Phục long can	1046	22. Ô tac cốt	485
68. Vừng	898	49. Qua lâu nhân	629	23. Phèn chua	1046
69. Xương bồ	387	50. Quy bản và cao quy bản	1000	24. Tề thái	636
70. Ý dĩ	844	51. Rau má	631	25. Thạch quyết minh	464, 486
<b>VIII. Cảm máu</b>					
1. Bách hợp	719	52. Râu ngô	220	26. Thạch sùng	1005
2. Bách thảo sương	293	53. Sen	783	27. Thiên niên kiện	496
3. Bạch chỉ	598	54. Sinh địa	837	28. Thủ phục linh	498
4. Bạng hoa	857	55. Tam thất (cây)	289	29. Thương truật	392
5. Bàn long sâm	830	56. Tầm sa	1002	30. Trầm hương	435
		57. Tê giác	1002	31. Trần bì	384
		58. Thạch cao	1047	32. Xuyên khung	654

33. Xương bồ	387	7. Hương lâu	325	8. Đu đủ	360
<b>XII. Dị mộng tinh - Liệt dương -</b>		8. Kẹo mạch nha	891	9. Hẹ	724
<b>Hoạt tính</b>		9. Khế	102	10. Hoa tiêu	369
1. Ba kích	303	10. Lá ngón	121, 318	11. Keo giậu	158
2. Cá ngựa (hai mă)	950	11. Liên kiều	102	12. Khinh phấn	1042
3. Cao ban long	942	12. Lục thân hoàn	968	13. Khổ sâm	825
4. Đông trùng hạ thảo	882	13. Mướp	60	14. Lưu hoàng	1037
5. Hà thủ ô	833	14. Mướp sát	579	15. Lựu, thạch lựu	170
6. Hẹ	724	15. Nhựa cúc	965	16. Nghệ	283
7. Hoài sơn	848	16. Niết gió	107	17. Nhân trần	625
8. Ích trí nhân	405	17. Sui	321	18. Ô dược	432
9. Kha tử	427	18. Sừng dê (cây)	580	19. Ô mai	703
10. Khiếm thực	846	19. Tâm duột	515	20. Quán chúng	175
11. Khởi tử	850	20. Thần mát	318, 322	21. Rau sam	184
12. Kim anh	892	21. Thanh đại	113	22. Rùm nao	174
13. Lộc huyết	941	22. Thanh quả	735	23. Sứ quân tử	156
14. Ngọc trúc	843	23. Thảo quả	409	24. Thạch vi	249
15. Ngũ gia bì	379, 395	24. Thông thiên	583	25. Thị	410
16. Nhung	937	25. Tía tô	648	26. Thùn mún	167
17. Phá cổ chỉ	856	26. Tỏi độc	331	27. Tỏi	181
18. Phục linh	222	27. Trúc đào	586	28. Xoan	161
19. Quy bản	1000	28. Xạ hương	995	<b>XVII. Hắc lào - vảy nến</b>	
20. Rau sàn phụ	946	<b>XV. Giòi, bọ, sáu (trừ)</b>		1. Chút chít	153
21. Sen	783	1. Ba đậu	449	2. Đại hoàng	455
22. Tang phiêu tiêu	723	2. Bách bộ	160	3. Đàm phàn	1038
23. Tắc kè	951	3. Bọ mán	723	4. Móng tay	105
24. Thủ ty tử	852	4. Cheo	316	5. Muồng trâu	460
25. Thực địa	837	5. Cù đậu	316	6. Ngưu bàng	624
26. Trâu cổ	854	6. Đàm phàn	1038	7. Thảo quyết minh	463
<b>XIII. Đái đường - đái tháo</b>		7. Hột mát	318, 322	8. Thổ phục linh	498
1. Cải xoong	875	8. Màn kinh tử	618	9. Trâu không	118
2. Cam thảo nam	870	9. Mộc hương	396	<b>XVIII. Ho - Hen</b>	
3. Chua me lá me	237	10. Mướp sát	579	1. An túc hương	729
4. Dừa cạn	307	11. Nghệ	227	2. Bách bộ	160
5. Hoài sơn	848	12. Niết gió	107	3. Bách hợp	719
6. Khiếm thực	846	13. Rau má ngọ	111	4. Bạch thường sơn	648
7. Khởi tử	850	14. Tân cửu	112	5. Bán hạ	44
8. Ngọc trúc	843	15. Thần mát	318, 322	6. Bạng hoa	857
9. Ngưu hoàng	789	16. Thanh hao, thanh cao	642	7. Bẩy lá một hoa	90
10. Nhâu	306	17. Thông thiên	583	8. Bình vôi	779
11. Nhung	937	18. Thương truật	392	9. Bọ mán	723
12. Phá cổ chỉ	856	19. Tỳ giải	500	10. Bố chính sâm	813
13. Sinh địa	837	20. Vừng	898	11. Bồ kết	732
14. Tầm sa	1002	21. Xương bồ	387	12. Bóng bóng	718
15. Thương truật	392	22. Xương khô	564	13. Cà độc được	700
<b>XIV. Giải độc (thuốc) và thuốc có độc</b>		<b>XVI. Thuốc giun, sán</b>		14. Cải canh	710
1. Bách thảo sương	293	1. Bách bộ	160	15. Cải củ	712
2. Bạch biển đậu	389	2. Bí ngô	168	16. Cải xoong	875
3. Cheo	316	3. Bồ cu vē	93	17. Cam thảo	863
4. Chi thiên	75	4. Cau	172	18. Cam thảo nam	870
5. Cù đậu	316	5. Chân bâu	169	19. Cao ban long	942
6. Hồi núi	323	6. Cỏ may	238	20. Cát cánh	716
		7. Dầu giun	153	21. Chỉ thực	363

22. Cúc mǎn	250,746	75. Rau đay	398	17. Lô địa cúc	88
23. Cúc bách nhật	602	76. Rau má	631	18. Mắn trầu	619
24. Cúc hoa	604	77. Rau má lá rau muống	111	19. Mật ong	954
25. Dâu tằm	720	78. Rau thai	946	20. Nhài	306
26. Đại	447	79. Sa sâm	816	21. Nhung	937
27. Đại bi	605	80. Tâm duột	515	22. Thảo quyết minh	463
28. Đắng sâm	811	81. Tân cửu	112	23. Thị tất	738
29. Đào	706	82. Tắc kè	951	24. Tỏi	181
30. Đắng tâm thảo	223	83. Thạch hộc	638	25. Vừng	898
31. Đậu khấu	402	84. Thạch tín	1048	26. Xú ngô đồng	38
32. Đông trùng hạ thảo	882	85. Thanh quả	735	27. Xuyên khung	654
33. Đồng tiễn	973	86. Thanh thiên quỳ	744	<b>XXI. Ỉa lỏng</b>	
34. Gai tâm xoong	749	87. Thị đế	737	1. Bạc hà	595
35. Giun đất	976	88. Thiên môn	713	2. Bạch truật	391
36. Gừng	366	89. Thiên trúc hoàng	800	3. Đơn lá dò	394
37. Hành	609	90. Thủ cao ly sâm	815	4. Ích trí nhân	405
38. Hầu táo	982	91. Thông thảo	224	5. Kha tử	427
39. Hẹ	724	92. Thuốc phiện	699	6. Kim anh	892
40. Hoa tiêu	369	93. Thuyền thoái	796	7. Măng cụt	428
41. Hồ đào	895	94. Tía tô	648	8. Mộc hương	396
42. Hồng bì	746	95. Tiễn hồ	650	9. Ngũ bội tử	429
43. Húng chanh	708	96. Tỏi	181	10. Ô dược	432
44. Kéo mạch nha	891	97. Tô hạp	728	11. Ổi	431
45. Kha tử	427	98. Trầm hương	435	12. Rau má	631
46. Khởi tử	850	99. Trần bì	384	13. Sim	434
47. Kinh giới	611	100. Trâu không	118	<b>XXII. Kháng sinh</b>	
48. Lôi tiền	241	101. Trác bách diệp	287	1. Hành	609
49. Long duyên hương	983	102. Trói gà	707	2. Hẹ	724
50. Lô địa cúc	88	103. Tử uyển	738	3. Hoàng liên	189
51. Lộc giác	941	104. Tỳ bà diệp	718	4. Kim ngân hoa	75
52. Ma hoàng	614	105. Viễn chí	730	5. Liên kiều	102
53. Mã đề	215	106. Ý dĩ	844	6. Sài đất	86
54. Mạch môn đồng	715	<b>XIX. Hồi nách</b>		7. Tỏi	181
55. Mật ong	954	1. Đàm phàn	1038	8. Tô mộc	50
56. Mật rắn	992	2. Mật đà tạng	1044	<b>XXIII. Kinh nguyệt - Phụ nữ</b>	
57. Mộc hương	396	3. Phèn chua	1046	1. A giao	945
58. Mộc tặc	242	<b>XX Huyết áp</b>		2. Ba kích	303
59. Muối	1045	1. Ba gạc	301	3. Bạch chỉ	598
60. Muối đắng	734	2. Ba kích	303	4. Bầu đất	657
61. Nga truật	377	3. Bạch đồng nữ 37		5. Cam thảo nam	870
62. Nhài	306	4. Càu đắng	305	6. Chổi sué	643
63. Nhân trung bạch	986	5. Cúc hoa	604	7. Chua me	236
64. Nhọ nồi	293	6. Dâu tằm	720	8. Cốt khí	506
65. Núc nác	726	7. Dừa cạn	307	9. Dâm bụt	99
66. È đầu và phụ tử	878	8. Đại	447	10. Diếp cá	40
67. È mai	703	9. Đỗ trọng	309	11. Dừa cạn	307
68. È tắc cốt	485	10. Giun đất	976	12. Đan sâm	818
69. Phá cổ chi	856	11. Hạ khô thảo	79	13. Đào nhân	706
70. Phật thủ	748	12. Hoa hòe	298	14. Dương quy	55
71. Qua lâu	629	13. Hoàng cầm	311	15. Hồng hoa	41
72. Quế	857	14. Hoàng kỳ	887	16. Huyết giác	59
73. Quy bản và cao quy bản	1000	15. Hoàng liên	189	17. Hương phụ	33
74. Ráng trắc	709	16. Ích mẫu	30	18. Ích mẫu	30

19. Liên kiều	102	33. Hành	609	86. Ý S dī	844
20. Mẫu đơn bì	620	34. Hoa hiên	240	XXV. Lỵ	
21. Móng tay	105	35. Hoàng kỳ	887	1. A giao	945
22. Mộc thông	243	36. Hoạt thạch	1040	2. Bách thảo sương	293
23. Nga truật	377	37. Hô đào	895	3. Bach biến đậu	389
24. Ngài cừu	36	38. Hồ phách	985	4. Bầu đất	657
25. Ngũ linh chi	988	39. Ké hoa vàng	100	5. Bồ kết	732
26. Ngưu tất	48	40. Khiên ngưu	444	6. Cát cân	635
27. Nhâu	306	41. Khinh phấn	1042	7. Cau	172
28. Phá cổ chi	856	42. Khổ sâm	825	8. Chè hương	187
29. Rau má	631	43. Kim ngân	75	9. Chi thực	363
30. Rẽ cây bông	47	44. Liên kiều	102	10. Chua me đất	236
31. Sài hô	633	45. Lõi tiễn	241	11. Cò sữa	199
32. Thực địa	837	46. Ma hoàng	614	12. Cối xay	601
33. Thược dược	65	47. Mã đê	215	13. Dâm bụt	99
34. Tô mộc	50	48. Mang tiêu	448	14. Dừa cạn	307
35. Tô ngạnh	648	49. Mật bò - mật lợn	230	15. Đại hoàng	455
36. Trúc nhụ	651	50. Mộc hương	396	16. Đạm trúc diệp	608
37. Xạ can	653	51. Mộc tặc	242	17. Gừng	366
38. Xuyên khung	654	52. Mộc thông	243	18. Hậu phác	372
<b>XXIV. Lợi tiểu - Thông mật</b>					
1. Actisō	221	53. Muồng biển	622	19. Hẹ	724
2. Bạc hà	595	54. Mướp	60	20. Hoa hiên	240
3. Bạch đồng nữ	37	55. Nam sâm	823	21. Hoàng bá	197
4. Bạch thường sơn	648	56. Nghé	283	22. Hoàng liên	189
5. Bọ marmor	723	57. Ngưu hoàng	789	23. Hoạt thạch	1040
6. Bòn bột	232	58. Nhân trần	625	24. Huyết dụ	287
7. Chi thiến	75	59. Ô rô	63	25. Ké hoa đào	99
8. Chi thực	363	60. Phòng kỷ	512	26. Ké hoa vàng	100
9. Chó đẻ răng cửa	97	61. Phục linh	222	27. Kha tử	427
10. Chua me đất	236	62. Qua lâu	629	28. Khiếm thực	846
11. Cỏ bợ	238	63. Rau má	631	29. Khổ sâm	825
12. Cỏ chỉ	218	64. Rau sam	184	30. Kim anh	892
13. Cỏ nến	284	65. Ráng trắc	709	31. Kim ngân	75
14. Cỏ tranh	219	66. Râu mèo	219	32. Kinh giới	611
15. Cối xay	601	67. Râu ngô	220	33. Long cốt	1042
16. Cốt khí	506	68. Sa sâm	816	34. Long nha thảo	285
17. Cù gai	42	69. Sâm rừng	824	35. Lựu	170
18. Cúc áo	120, 562	70. Sinh địa	837	36. Ma hoàng	614
19. Cúc bách nhật	602	71. Sòi	246	37. Măng cụt	428
20. Dâm bụt	99	72. Tai chuột	248	38. Mộc hoa trắng	182
21. Dâu tằm	720	73. Tề thái	636	39. Mộc hương	396
22. Dế	970	74. Thạch vi	249	40. Mộc tặc	242
23. Dừa cạn	307	75. Thiên môn	713	41. Mơ tam thể	186
24. Đại phúc bì	218	76. Thông bong	252	42. Nhâu	306
25. Đạm trúc diệp	608	77. Thông thảo	224	43. Nhục đậu khấu	406
26. Đẳng sâm	811	78. Thương nhĩ	78	44. Ngũ bội tử	429
27. Đẳng tẩm thảo	223	79. Tóc	1006	45. Ô dược	432
28. Đào	706	80. Trạch tà	217	46. Phèn chua	1046
29. Đậu đen	239	81. Trúc đào	586	47. Quả niêng	665
30. Giun đất	976	82. Từ uyển	738	48. Quy bản	1000
31. Hạ khô thảo	79	83. Tỳ giải	500	49. Rau đay	398
32. Hàm éch	493	84. U chặc chiù	251	50. Rau má	631
		85. Võng nem	787	51. Rau má ngọt	111

52. Rau sam	184	38. Xuyên khung	654	51. Kê nội kim	363
53. Sa nhân	401	<b>XXVII. Mùn nhọt -</b>		52. Khế	102
54. Sầu đâu	161	<b>Mẩn ngứa - Lở loét</b>		53. Kinh phán	1042
55. Sim	434	1. An túc hương	729	54. Khổ sâm	825
56. Sen	783	2. Bạch chi	598	55. Kim anh	892
57. Sơn trà	355	3. Bạch đồng nữ	37	56. Kim ngân	75
58. Tè thái	636	4. Bạch hoa xà	89	57. Liên kiều	102
59. Thanh tương tử	291	5. Bảy lá một hoa	90	58. Lá lốt	516
60. Thuốc phiện	699	6. Bồ công anh	72	59. Long cốt	1042
61. Tỏi	181	7. Bồ cu vē	93	60. Long nha thảo	285
62. Vò lụu	188	8. Bồ kết	732	61. Lô cam thạch	1043
63. Vỏ sữa, cây sữa	853	9. Bùng bục	94	62. Lộc giác	941
64. Vọng giang nam	464	10. Bưởi bung	83	63. Lưu hoàng	1037
65. Võng nem	787	11. Cà độc dược	700	64. Mã đê	215
66. Ý dĩ	844	12. Cam thảo	863	65. Mật đà tăng	1044
<b>XXVI. Mát - Thiên đầu thống</b>					
1. Bạch cương tàm	963	13. Cào bần	95	66. Mật ong	954
2. Bọ cạp	964	14. Cát căn	635	67. Máu chó	104
3. Cảo bần	95	15. Chè vàng	121	68. Mẫu lệ	483
4. Chỉ từ	225	16. Chỉ thiên	75	69. Mò quạ	541
5. Chó đẻ răng cưa	97	17. Chó đẻ răng cưa	97	70. Móng tay	105
6. Cúc áo	120,562	18. Chút chít	453	71. Mù u	106
7. Cúc hoa	604	19. Cỏ bợ	238	72. Muống biển	622
8. Dạ minh sa	969	20. Cóc mǎn	250,746	73. Muốp đắng	734
9. Đàm phàn	1038	21. Cối xay	601	74. Nghệ	227
10. Hạ khô thảo	79	22. Cù đậu	316	75. Ngô công	85
11. Hàn the	151,1039	23. Cúc áo	120,562	76. Nguu bàng	624
12. Hành	609	24. Cúc liên chỉ đại	98	77. Nhâu	306
13. Hoàng bá	197	25. Da voi	1007	78. Nhện	987
14. Lô cam thạch	1043	26. Dâm bụt	99	79. Niệt gió	107
15. Màn kinh tử	618	27. Dâu tằm	720	80. Núc nác	726
16. Mật gấu	503	28. Dâu rái trắng	109	81. Ô dầu và phụ tử	878
17. Mật mông hoa	561	29. Dây cam thảo	868	82. Ô tặc cốt	485
18. Mồng tơi	466	30. Diếp cá	40	83. Ối	431
19. Muối	1045	31. Đại	447	84. Phù dung	108,699
20. Nhân trung bạch	986	32. Đại bi	605	85. Rắn	988
21. Ô tặc cốt	485	33. Đào	706	86. Rau má	631
22. Phèn chua	1046	34. Đơn lá dò	394	87. Rau má lá rau muống	111
23. Phòng phong	666	35. Đầu lươn	54, 291	88. Rau sam	184
24. Rau má lá rau muống	111	36. Giới tử	710	89. Ráy	122
25. Sầu đâu, xoan	161	37. Hà thủ ô	833	90. Sài đất	86
26. Tầm sa	1002	38. Hạ khô thảo	79	91. Sim	434
27. Tè thái	636	39. Hàn the	151,1039	92. Sồi	246
28. Thạch hộc	638	40. Hành	609	93. Sơn trà	355
29. Thạch quyết minh	464	41. Hạt gấc	885	94. Sung	495
30. Thanh tương tử	291	42. Hoài sơn	848	95. Tân cửu	112
31. Thảo quyết minh	463	43. Hoàng bá	197	96. Tè giác	1002
32. Thăng dược	1049	44. Hoàng liên	189	97. Thạch sùng	1005
33. Thuyền thoái	796	45. Hô dào	895	98. Thach vi	249
34. Trâu không	118	46. Hồ phách	985	99. Thanh hao, thanh cao	642
35. Tương tư tử	686	47. Hùng hoàng	1040	100. Thăng dược	1049
36. Vừng	898	48. Hy thiêm	494	101. Thị	410
37. Xạ hương	995	49. Ké hoa đào	99	102. Thông bong	252
		50. Ké hoa vàng	100	103. Thuốc giấu	117

104. Thủy ngân	1049	27. Tỳ bà diệp	718	8. Đại bi	605
105. Thương nhĩ	78	<b>XXXI. Phụ nữ (ra thai)</b>		9. Đàm phàn	1038
106. Tóc rối	1006	1. Bạch hoa xà	88	10. Độc hoạt	507
107. Tôi	181	2. Dạ minh sa	969	11. É	661
108. Tô hạp hương	728	3. Đan sâm	816	12. Hạt tiêu	370
109. Trầu không	118	4. Hoa chổi xué	643	13. Hùng hoàng	1040
110. Tỳ bà diệp	718	5. Móng tay	105	14. Hương nhu	662
111. Tỳ giải	500	6. Ngưu tất	48	15. Lục phàn	1044
112. Vòi voi	502	7. Tô mộc	50	16. Lưu	458
113. Vừng	898	8. Xạ hương	995	17. Muối	1045
114. Xuyên sơn giáp	1008	<b>XXXII. Phụ nữ (sót rau)</b>		18. Ngô thù du	378
115. Xương bồ	387	1. Hạt thầu dầu	451	19. Nhân trung bạch	986
116. Xương khô	564	2. Rau ngọt	52	20. Ong đen	959
<b>XXVIII. Nác - Chữa nác</b>		<b>XXXIII. Phụ nữ (Sa da con)</b>		21. Phèn chua	1046
1. Sứ quân tử	156	1. Gai	42	22. Sa nhân	401
2. Thị đế	737	2. Thiên lý	64	23. Tế tân	566
3. Thường sơn	644	<b>XXXIV. Rắn cắn - Rết và cá độc cắn</b>		24. Thanh đại	113
<b>XXIX - Nhuận tràng</b>		1. Ban	538	25. Thảo quả	410
1. Dâu hạt mơ	706	2. Bảy lá một hoa	90	26. Thăng ma	669
2. Đào	706	3. Bông báo	540	27. Thông bạch	609
3. Lô hội	458	4. Chè vàng	121	28. Thương nhĩ tử	78
4. Mật ong	954	5. Chó đẻ răng cửa	97	29. Xạ hương	995
5. Muồng trâu	141	6. Cỏ bợ	238	30. Xương bồ	387
6. Phan tà diệp	461	7. Dây cam thảo	863	31. Xương khô	564
7. Thảo quyết minh	463	8. Đàm phàn	1038	32. Xương rồng	565
8. Vừng	898	9. Đu đủ	360	<b>XXXVI. Ruồi (diệt)</b>	
<b>XXX - Nón mưa - Chữa nón mưa</b>		10. Hồng bì	746	1. Cỏ giải	326
1. Bạc hà	595	11. Hùng hoàng	1040	<b>XXXVII. Sỏi thận - Sỏi mật</b>	
2. Bán hạ	44	12. Húng chanh	708	1. Cúc áo	120, 562
3. Bạch biến đậu	389	13. Hy thiêm	494	2. Đu đủ	360
4. Cao lương khương	385	14. Ké hoa đào	99	3. Hoạt thạch	1040
5. Duyên đơn	1038	15. Nghê	283	4. Miết giáp	985
6. Đại hoàng	455	16. Ngũ linh chi	988	5. Mướp đắng	734
7. Đậu khấu	402	17. Ngưu bàng	624	6. Râu mèo	219
8. Gừng	366	18. Phèn chua	1046	7. Thạch vi	249
9. Hạt mơ	703	19. Rượu hội	994	8. Trạch tả	217
10. Hậu phác	372	20. Sa sâm	816	9. ý dĩ	844
11. Kẽ nội kim	363	21. Sắn dây	635	<b>XXXVIII. Sốt - Sốt rét - Cảm cúm</b>	
12. Kinh giới	611	22. Sòi	246	1. Bạc hà	595
13. Liên kiều	102	23. Thạch sùng	1005	2. Bách hợp	719
14. Muối	1045	24. Thời lài trắng	609	3. Bạch chỉ	598
15. Náng	509	25. Thanh quả	735	4. Bạch truật	391
16. Ngô thù du	378	26. Thảo đậu khấu	404	5. Bầu đất	657
17. Nhục đậu khấu	406	27. Vọng giang nam	464	6. Bảy lá một hoa	90
18. É được	432	28. Xạ can	653	7. Bình vôi	779
19. Phục long can	1046	<b>XXXV. Răng - Miệng - Cam tẩu mā</b>		8. Bố chính sâm	813
20. Quít	384	1. Bạch chỉ	598	9. Cam thảo nam	870
21. Thảo quả	409	2. Bó kết	732	10. Cao lương khương	385
22. Thần khúc	358	3. Cải xoong	875	11. Cát căn	635
23. Thương truật	392	4. Cát cánh	716	12. Cau	172
24. Thường sơn	644	5. Cóc	965	13. Chi từ	225
25. Trầm hương	435	6. Cốt toái bồ	491	14. Chi thiên	75
26. Trúc nhụ	651	7. Cúc áo	120, 562	15. Chua me đất	236

16. Cò tranh	219	69. Quít	384	14. Thông thảo	224
17. Cối xay	601	70. Quy bàn	1000	15. Trạch tá	217
18. Cúc bách nhật	602	71. Ráng chắc	709	16. Trâu không	118
19. Cúc hoa	604	72. Rau má	631	17. Trâu cỏ	854
20. Dâu tằm	720	73. Rau má lá rau muống	111	18. Tục đoạn	821
21. Dây ký ninh	613	74. Rau má ngọt	111	19. Vừng	898
22. Dừa cạn	307	75. Ráy	122	20. Xuyên sơn giáp	1008
23. Đại bi	605	76. Râu mèo	219	<b>XL. Tai - Mũi - Họng</b>	
24. Đạm trúc diệp	608	77. Sa sâm	816	1. Bạch xương rồng	963
25. Đồng tiên	973	78. Sầu dây	720	2. Cúc áo	120,
26. É	661	79. Sài hô	633	3. Cúc hoa	604
27. Giun đất	976	80. Tâm duột	515	4. Đàm hái	53
28. Gừng	366	81. Té giác	1002	5. Đại bi	605
29. Hà thủ ô trắng	836	82. Té thái	636	6. Đàm phàn	1038
30. Hàn the	151, 1039	83. Tế tân	566	7. Đắng tâm thảo	223
31. Hầu táo	982	84. Thạch cao	1047	8. Đơn châu chấu	568
32. Hoa hiên	240	85. Thạch hộc	638	9. É	661
33. Hoa tiêu	369	86. Thanh đại	113	10. Hàn the	151, 1039
34. Hoàng cầm	311	87. Thanh hao, thanh cao	643	11. Hành	609
35. Hoàng kỳ	887	88. Thảo quả	410	12. Hoàng bá	197
36. Hoạt thạch	1040	89. Thăng ma	669	13. Hùng hoàng	1040
37. Hoắc hương	374	90. Thần khúc	358	14. Huyền sâm	820
38. Hùng hoàng	1040	91. Thiên môn	713	15. Kê nội kim	363
39. Húng chanh	708	92. Thiên trúc hoàng	800	16. Kinh giới	611
40. Huyền sâm	820	93. Thủ phục linh	498	17. Lô địa cúc	88
41. Hương nhu	662	94. Thủ ty tử	852	18. Lục phàn	1044
42. Ké hoa vàng	100	95. Thông bạch	609	19. Ma hoàng	614
43. Khế	102	96. Thuỷ thoái	796	20. Mật đà tảng	1044
44. Khổ sâm	825	97. Thường sơn	644	21. Mật ong	954
45. Khương hoạt	664	98. Tía tô	648	22. Muối	1045
46. Kinh giới	611	99. Tiên hồ	650	23. Náng	509
47. Liên kiều	102	100. Trúc nhụ	651	24. Nhân trung bạch	986
48. Long cốt	1042	101. Vò cây sưa	853	25. Nhện	987
49. Long đởm	375	102. Vọng giang nam	464	26. Nhọ nồi	293
50. Màn kinh tử	618	103. Võng nem	787	27. Ngũ bội tử	429
51. Mạch môn	715	105. Vương thái tố	250	28. Ngưu bàng	624
52. Mần trâu	619	106. Xạ can	653	29. Ong đen	959
53. Muống biển	622	107. Xạ hương	995	30. ô tac cốt	485
54. Na	622	108. Xương rồng	565	31. Qua lâu	629
55. Ngà voi	1007	<b>XXIX - Sữa (lợi) phụ nữ</b>		32. Sà sàng	82
56. Ngưu hoàng	789	1. Chó đẻ răng cửa	97	33. Sài đất	86
57. Nhâu	306	2. Đinh lăng	828	34. Sơn trà	355
58. Nhân trần	625	3. Hà thủ ô trắng	836	35. Tế tân	566
59. Nhân trung bạch	986	4. Hạt bông	48	36. Thanh đại	113
60. Nhân trung hoàng	975	5. Mạch môn	715	37. Thanh quả	735
61. Nhục đậu khấu	406	6. Mộc thông	243	38. Thăng ma	669
62. Niءeng	665	7. Mướp	60	39. Thị sương	738
63. Niệt gió	107	8. Ô rô	63	40. Thiên môn	713
64. Ô dược	432	9. Qua lâu	629	41. Thuỷ thoái	796
65. Phòng phong	666	10. Rau đay	398	42. Trần châu	670, 797
66. Qua lâu	629	11. Rau má	631	43. Vòi voi	502
67. Quai bị	668	12. Tangerine	720	44. Xạ can	653
68. Quế chi	859	13. Thần khúc	358		

<b>XLI. Táo bón</b>	30. Miết giáp	985	<b>XLV. Tiêu hóa - Không tiêu</b>	
1. Ba đậu	31. Móng tay	105	1. Bạc hà	595
2. Bồ kết	32. Mơ tam thể	186	2. Bách thảo sương	293
3. Cà đại hoa vàng	33. Muồng biển	622	3. Bạch biến đậu	389
4. Chút chít	34. Náng	509	4. Bạch truật	391
5. Dế	35. Ngô thù du	378	5. Cải củ	712
6. Đai	36. Ngô công	85	6. Cao lương	
7. Đại hoàng	37. Ngũ gia bì	379	khương	385
8. É	38. Ngưu hoàng	789	7. Chỉ thực	363
9. Khiên ngưu	39. Ngưu tất	48	8. Chút chít	153
10. Khinh phấn	40. Nhân trung bạch	986	9. Cúc bách nhật	602
11. Khoai lang	41. Nhục đậu khấu	406	10. Dây ký ninh	613
12. Lô hội	42. Nọc ong	957	11. Đại bi	605
13. Lưu hoàng	43. Ô đầu và phụ tử	878	12. Đại hoàng	455
14. Mang tiêu	44. Ớt	382	13. Đậu khấu	402
15. Mồng tơi	45. Phòng kỷ	512	14. Địa liên	365
16. Phan tả diệp	46. Phòng phong	666	15. Gừng	366
17. Rau đay	47. Quy bản	1000	16. Hành	609
18. Sồi	48. Rắn	988	17. Hạt tiêu	370
19. Thạch	49. Rau thái	946	18. Hâu phác	372
20. Thủ dầu	50. Rẽ gác	885	19. Hoa tiêu	369
21. Vọng giang nam	51. Sung	495	20. Hoàng liên	189
22. Vừng	52. Tâm sa	1002	21. Hoắc hương	374
<b>XLII. Tê thấp - đau nhức xương</b>	53. Tâm duột	515	22. Kẽ nội kim	363
1. Actisô	54. Tân cửu	112	23. Lô hội	458
2. Ba kích	55. Thạch hộc	638	24. Mạch nha	357
3. Bạc hà	56. Thạch quyết minh	486	25. Mang tiêu	448
4. Bạch hoa xà	57. Thạch sùng	1005	26. Mâm xôi	395
5. Cao ban long	58. Thời lài	609	27. Mật gấu	503
6. Chùa vôi	59. Thiên niên kiện	469	28. Mộc hương	396
7. Cốt khí	60. Thủ phục linh	498	29. Nga truật	377
8. Cốt toái bồ	61. Thược dược	65	30. Ngô thù du	378
9. Dây đau xương	62. Tía tô	648	31. Nhân trần	625
10. Địa liên	63. Tỏi độc	331	32. Nhục đậu khấu	406
11. Độc hoạt	64. Vòi voi	502	33. Ô dược	432
12. Hầm ếch	65. Vương thái tố	250	34. Ớt	382
13. Hành	66. Xấu hổ	794	35. Phan tả diệp	461
14. Hoa hiên	67. Xuyên sơn giáp	1008	36. Phật thủ	748
15. Hoa tiêu	68. Xương bồ	387	37. Quít	384
16. Hô đào	69. ý dĩ	844	38. Sa nhân	401
17. Hỗ cốt	<b>XLIII. Thần kinh suy nhược</b>	39. Sơn trà	355	
18. Huyết giác	1. Bách hợp	719	40. Tanger thâm	723
19. Hy thiêm	2. Đông trùng hạ thảo	882	41. Thạch sùng	1005
20. Khiếm thực	3. Hà thủ ô	833	42. Thanh hao, thanh cao	642
21. Khương hoạt	4. Khiếm thực	846	43. Thành ngạnh	409
22. Lá lốt	5. Lộc giác	941	44. Thảo quả	408
23. Láu	6. Mật ong	954	45. Thảo quyết minh	463
24. Lõi tiên	7. Thạch sùng	1005	46. Thần khúc	358
25. Lộc giác	8. Thanh hao, thanh cao	642	47. Thị	410
26. Lưu hoàng	9. Viễn chí	730	48. Thị đế	737
27. Ma hoàng	10. Xạ hương	995	49. Thiên niên kiện	469
28. Mật gấu	<b>XLIV. Thiên trụy</b>	50. Thương truật	392	
29. Mẫu đơn bì	1. Hạt quít	385	51. Tía tô	648

52. Trác bách diệp	287	<b>LII. Trẻ con chốc dâu</b>	15. Móng tay	105
53. Tỳ bà diệp	718	1. Cau	16. Mộc hương	396
54. Vọng giang nam	464	2. Rau sam	17. Nghệ	227
55. Xương bồ	387	<b>LIII. Trẻ em trú</b>	18. Ngũ bội tử	429
<b>XLVI. Tim</b>		1. Ngũ bội tử	19. Nhân trần	625
1. Cúc	965	<b>LIII. Trẻ con cam</b>	20. Qua lâu	629
2. Đạm trúc diệp	608	1. Dạ minh sa	21. Sòi	246
3. Đay (hạt)	398	2. Sứ quân tử	22. Tân cừu	112
4. Huyền sâm	820	3. Thịt cốc	23. Tê giác	1002
5. Long duyên hương	983	<b>LIV. Trẻ con dai dẳng</b>	24. Thạch tín	1048
6. Mướp sát	579	1. Ngũ bội tử	25. Thanh hao, thanh cao	642
7. Sinh địa	837	2. Phục long can	26. Tỏi lào	145
8. Sơn trà	355	<b>LV. Trẻ con chậm lớn</b>	<b>LVIII. Vết đèn ở mặt</b>	
9. Sừng dê	580	1. Ô tac cốt	1. Bạch cương tàm	963
10. Thông thiên	583	<b>LVI. Trĩ - Lồi dom</b>	2. Đu đủ	360
11. Trúc đào	586	1. Diếp cá	3. Mật đà tăng	1044
12. Vạn niên thanh	589	2. Hạt gấc	4. Nhung	937
<b>XLVII. Tóc (mọc) - Tóc bạc</b>		3. Kha tử	5. Phục linh	222
1. Bạch biến đậu	389	4. Khoai lang	6. Qua lâu nhân	629
2. Bồ kết	732	5. Muồng biển	<b>LIX. Vết trắng ở mặt</b>	
3. Dâu tắm	720	6. Mướp	1. Phá cối chỉ	856
4. Hà thù ô	833	7. Ô mai	2. Thủỷ ngân	1049
5. Hành	609	8. Rau má ngọ	<b>LX. Vú (sưng)- Né vú</b>	
6. Hùng hoàng	1040	9. Sà sàng	1. An tức hương	729
7. Hương nhu	662	10. Thạch tín	2. Bạch chỉ	598
8. Lục phàn	1044	11. Thiên lý	3. Bồ công anh	72
9. Màn kinh tử	618	<b>LVII. Vàng da</b>	4. Bồ kết	732
10. Nhọ nồi	293	1. Ban	5. Cỏ bợ	238
11. Thạch vi	249	2. Bạch đồng nữ	6. Cối xay	601
12. Thực địa	837	3. Chi tử	7. Đài hái	53
13. Vừng	898	4. Chút chít	8. Hạt gấc	885
<b>XLVIII. Trai chân</b>		5. Cỏ may	9. Hoa hiên	240
1. Cà dại hoa vàng	95	6. Đại hoàng	10. Lá quýt	385
2. Đại	447	7. Đan sâm	11. Liên kiều	102
3. Đu đủ	360	8. Đằng sâm	12. Màn kinh tử	618
4. Ô mai	703	9. Đùm đùm	13. Mồng tơi	466
5. Trói gà	707	10. Đuôi lươn	14. Na	622
<b>XLIX . Tràng nhạc</b>		11. Hoa hiên	15. Ngưu bàng tử	624
1. Dâu tắm	720	12. Hoạt thạch	16. Sung	495
2. Thạch sùng	1005	13. Mật gấu	17. Tía tô	648
<b>L. Trẻ con tưa lưỡi</b>		14. Măng cụt	18. Xạ can	653
1. Rau ngót	398			

## IX. BẢNG TRA CỨU CÁC VỊ THUỐC PHÂN LOẠI THEO TÍNH CHẤT ĐÔNG Y.

<b>I. THUỐC GIẢI BIỂU (GIẢI CẨM)</b>	Phác tiêu	448	<b>VII. THUỐC KHỬ THỦ (TRÙNÓNG)</b>	
A. Phá tán phong hàn (cảm hàn)	Phan tà diệp	461	Bạch biến đậu	389
Bạch chỉ	B- Nhuận hạ (Tẩy nhẹ)		Hà diệp	786
Cảo bàn	Vùng đen	898	Hoắc hương	374
Kinh giới	Phong mật	954	Hương nhu	662
Ma hoàng	<b>V. THUỐC LỢI TIỂU TRỰC THỦY</b>		Thanh cao	642
Phòng phong	A - Thuốc lợi tiểu		<b>VIII. THUỐC KHỬ HÀN (ĐUỐI LẠNH)</b>	
Quế chi	Dết	970	Can khương	366
Thông bạch	Đạm trúc diệp	608	Cao lương khương	385
Tía tô	Đăng tâm thảo	223	Ngải diệp	36
B- Phát tán phong nhiệt (cảm nhiệt)	Gai (rễ)	42	Ngô thù du	378
Bạc hà	Hoạt thạch	1040	Nhục quế	862
Cát cẩn	Mộc thông	243	Phụ tử	878
Cúc hoa	Phòng ký	512	Thảo quả	409
Hà thủ ô trắng	Phục linh	222	Thục tiêu	369
Màn kinh tử	Thạch vi	249	<b>IX. THUỐC THANH NHIỆT (CHỮA SỐT)</b>	
Mộc tặc	Thông thảo	224	A - Thuốc thanh nhiệt giáng hỏa	
Ngưu bàng tử	Trạch tà	217	Chi tử	225
Sài hô	Tỳ giải	500	Cỏ tinh thảo	560
Tang diệp	Xa tiên tử	215	Dạ minh sa	969
Thăng ma	Ý dĩ nhân	844	Hạ khô thảo	79
Thuyền thoái	<b>B - Thuốc trực thủy (thông tiểu mạnh)</b>		Huyền sâm	820
<b>II. THUỐC GÂY NÔN</b>	Khiên ngưu tử	444	Mật mồng hoa	561
Dâm phàn	Độc hoạt	507	Thạch cao	1047
Thường sơn	Hải đồng bì	787	Thảo quyết minh	463
<b>III. THUỐC CHỮA NÔN</b>	Hổ cốt	979	B - Thuốc thanh nhiệt (táo thấp)	
Bán hạ	Hy thiêm thảo	494	Hoàng cầm	311
Phục long can	Khương hoạt	664	Hoàng liên	189
Sinh khương	Ngũ gia bì	379	Khổ sâm	826
Trúc nhự	Tầm sa	1002	Long đởm thảo	375
<b>IV. THUỐC TẠ HÀ (GÂY ỈA LỎNG)</b>	Tang ký sinh	722	Nha đam tử	179
A - Thuốc công hà (Tẩy mạnh)	Tần cửu	112	Nhân trần	625
Ba đậu	Thiên niên kiện	496	C - Thuốc thanh nhiệt giải độc	
Đại hoàng	Thương nhĩ	78	Bồ công anh	72
	Thương truật	392		

Điệp cá	40	Xuyên khung	654	Thạch quyết minh	464,486
Kim ngân hoa	75	Xuyên sơn giáp	1008	Toàn yết	964
Liên kiều	102	Xơ mướp	61	Xà thoái	988
Nhân trung hoàng	975	<b>B - Thuốc cầm máu</b>		<b>XIV. THUỐC BỔ</b>	
Rau sam	184	Đại kẽ	63	<b>A - Thuốc bổ khí</b>	
Thanh đại	113	Hòe hoa	298	Bạch truật	391
Thổ phục linh	498	Kê quan hoa	292	Cam thảo	863
Trầm (Cẩm lâm)	735	Liên phòng	784	Đẳng sâm	811
Xạ can	653	Long nha thảo	285	Hoàng kỳ	887
<b>D - Thuốc thanh nhiệt lương huyết</b>		Ngẫu tiếu	783	Nhân sâm	804
Bạch mao cắn	219	Nhỏ nỗi (Cò)	293	Sơn dược	848
Địa cốt bì	851	Ô tặc cốt	485	Thái tử sâm	625
Mẫu đơn bì	620	Sâm tam thất	289	<b>B - Thuốc trợ dương</b>	
Ngân sài hồ	634	Tóc rối	1006	Ba kích thiên	303
Nhân niệu	973	Trắc bách diệp	287	Bổ cốt toái	491
Nhân trung bạch	986			Câu tích	490
Sinh địa hoàng	837			Cốt toái bổ	491
Tè giác	1002			Đỗ trọng	309
Thực diêm	1045	<b>XII. THUỐC CHỮA HÓA TRÙ ĐỜM</b>		Đông trùng hạ thảo	882
		<b>A - Chữa ho bình suyễn</b>		Hẹ (hạt)	724
		Bách bộ	160	Hô đào	895
		Cà độc dược (hoa)	700	Nhung	937
		Cát cánh	716	Tắc kè	951
		Hạnh nhân	703	Thỏ ty tử	852
		Lai phục tử	712	Tục đoạn	821
		Tiễn hô	650	<b>C - Thuốc bổ huyết</b>	
		Tô tử	648	A giao	945
		Tử uyên	738	Đương quy	55
		Tỳ bà diệp	718	Hà thủ ô	833
		<b>B - Tiêu hóa nhiệt đờm</b>		Kê huyết đảng	890
		Hầu táo	982	Long nhãm	790
		Qua lâu	629	Tang thâm	723
		Tang bạch bì	722	Thực địa	837
		Thiên trúc hoàng	800	Tử hà sa	946
		Trúc lịch	651	<b>D - Thuốc bổ âm</b>	
		<b>C - Ôn hóa hàn đờm</b>		Bách hợp	719
		Bạch phụ tử	879	Bạch thưoc	65
		Bạch giới tử	710	Câu kỳ tử 8	50
		Tạo giáp	732	Hoàng tinh	841
		<b>XIII. THUỐC PHƯƠNG HƯƠNG KHAI KHIẾU</b>		Mạch môn đông	715
		Đan sâm	818	Mết giáp	985
		Đào nhân	706	Ngọc trúc	843
		Hồng hoa	41	Quy bàn	1000
		Ích mẫu thảo	30	Sa sâm	816
		Khương hoàng	226	Thạch hộc	638
		Mã tiên thảo	84	Thiên môn đông	713
		Ngũ linh chi	988	<b>XV. THUỐC CỐ SÁP</b>	
		Nguội tất	48	<b>A - Thuốc liêm hán cố tình</b>	
		Phong khương (tô hạp)	385	Bạch cương tâm	963
		Tô mộc	50	Bạch hoa xà	89
		Tè thái	636	Câu đằng	305
		Uất kim	227	Khâu dân	976
		Vân đài tử	712	Ngô công	85
		Xích thước	66	Ô tiêu xà	991
				Khiếm thực	846
				Long cốt	1042
				Ma hoàng căn	614

Mẫu lè	483	Thần khúc	358	Khinh phấn	1042
Tang phiêu tiêu	723	<b>XVII. THUỐC GIUN SÁN</b>		Lô cam thạch	1043
<b>B - Thuốc sáp trường chỉ tá</b>		Cau (hạt)	172	Lục phàn	1044
Kha tử	427	Khổ luyện tử	179	Mật đà tắng	1044
Ngũ bội tử	429	Lô hội	458	Minh phàn	1046
Nhục đậu khấu	406	Phi tử	167,522,724	Mộc miết tử	885
Ô mai	703	Sử quân tử	156	Phê thạch	1048
Thạch lựu bì	170	<b>XVIII. THUỐC DÙNG NGOÀI</b>		Sà sàng tử	82
<b>XVI. THUỐC TIÊU HÓA</b>		Dà voi	1007	Thạch lưu hoàng	1037
Cốc nha	357	Duyên đơn	1038	Thiêm tố	965
Kê nội kim	363	Hùng đởm	503	Thủ cung	1005
Mạch nha	357	Hùng hoàng	1040	Thùy ngân	1049
Sơn trà	355			Tỳ ma tử	451

# PHỤ LỤC IV

## I. GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ THỰC VẬT HỌC (Xếp theo thứ tự A, B, C)

D.S. VŨ VĂN CHUYÊN

**Áo hạt** (Arillus): Lớp thịt từ cuống hạt mọc lên, bao lấy hạt như một cái áo.

Thí dụ: Nhân, vải. (Thuật ngữ cũ: tử y).

**Bao chung** (involucrum): Nhóm lá bắc tập trung thành vòng bao lấy một cụm hoa tán kép, làm nhiệm vụ che chở. (Thuật ngữ cũ: tổng bao)

**Bao hoa** (perianthium): Bộ phận bao bọc và che chở cho các cơ quan sinh sản của hoa, hoa không có bao hoa gọi là hoa trần.

**Bao riêng** (involucellum): Lá bắc tụ họp ở gốc các tán đơn trong tán kép, có nhiệm vụ bảo vệ nụ hoa. (Thuật ngữ cũ: tiểu bao)

**Bầu** (ovarium): Bộ phận sinh sản cái của hoa, gọi là nhụy (pistillum) gồm một phần phồng ở dưới gọi là bầu đựng các noãn (ovulum), một phần hẹp lai gọi là vòi, tận cùng bởi một chỗ phồng nhỏ gọi là núm (stigma). Bầu sẽ phát triển thành quả, còn noãn đựng ở trong sẽ phát triển thành hạt.

**Bẹ lá** (vagina): Phần rộng ở phía dưới cuống lá, ôm lấy thân cây. Thí dụ: lá cau, lá ráy.

**Bông** (spica): Cành hoa mang hoa không cuống, nụ ở phía ngọn, hoa già đã nở rồi ở phía gốc. Thí dụ: cỏ roi ngựa, bông mã đê.

**Bóng mo** (spadix): cành hoa mang hoa không cuống và bọc bởi một cái lá đặc biệt, gọi là mo. Bóng mo có thể phân nhánh (cau, dừa) hoặc không phân nhánh (ráy, bán hạt).

**Cánh hoa** (petalum): bộ phận thường có màu sắc sặc sỡ làm nhiệm vụ bao bọc và che chở cho các bộ phận sinh sản của hoa. Tất cả các cánh hoa của một hoa hợp thành tràng hoa. Các cánh hoa có thể rời nhau (cánh phân) hoặc dính liền với nhau (cánh hợp). Cũng có hoa không có cánh hoa như hoa thầu dầu.

**Chỉ nhị** (filamentum): Nhị (stamen), tức là bộ phận đực của hoa gồm một phần phồng ở trên, gọi là bao phấn (anthera) đựng các hạt phấn, một phần hẹp ở dưới gọi là chỉ nhị, có thể coi như là cái cuống của bao phấn.

**Chùm** (botrys): Cành hoa mang hoa có cuống, hoa già đã nở rồi ở phía gốc, hoa non (nụ) ở phía ngọn. Thí dụ: hoa mõm chó.

**Cờ** (panicula): Cành hoa gồm có một trục chính mang những trục bên phân nhánh, những nhánh ở phía dưới

thường dài hơn ở phía trên. (Thuật ngữ cũ: Chùy).

**Cụm hoa** (inflorescentia): Cách sắp xếp của các hoa trên cành. Các hoa có thể mọc vô hạn trên cành: cụm hoa vô hạn (chùm, bông, ngù, đầu tán) hoặc mọc có hạn trên cành: cụm hoa có hạn (xim một ngả, xim hai ngả, ...).

**Cùng gốc** (monoicus): Cây mang cả hai loại hoa, đực và cái trên cùng một cây. Thí dụ: thầu dầu, ngô (thuật ngữ cũ: đồng châu).

**Đại** (folliculus): Quả khô, khi chín mở bởi một kẽ nứt dọc quả này một ô, do một ô, do một lá noãn tạo thành. Thí dụ: quả mõ.

**Đài** (calyx): Phần của bao hoa làm nhiệm vụ bảo vệ các bộ phận của hoa trong nụ. Đài cấu tạo bởi những bộ phận màu xanh lục gọi là lá dài (sepulum).

**Đài phụ** (calculus): Ở phía dưới đài hoa, ở một số cây có thêm một đài phụ cấu tạo bởi một số bộ phận màu xanh lục, như ở hoa dâm bụt. Có khi đài phụ lại lớn hơn đài hoa như ở cây bông.

**Đầu** (capitulum): Cành hoa đặc sắc cho các cây thuộc họ Cúc (Asteraceae). Ngọn cành đó phồng lên thành một cái để mang nhiều hoa không cuống, tụ họp thành một khối phồng to nom như cái đầu, mà người ta thường coi nhầm như là một chiếc hoa. Thí dụ: hoa thước dược, hoa cúc.

**Đậu** (legumen): Quả khô một ô do một lá noãn tạo thành, khi chín mở bởi hai kẽ nứt thành hai mảnh vỏ mang hạt. Loại quả này đặc trưng cho các cây thuộc họ cánh bướm (Fabaceae). (Thuật ngữ cũ: giác).

**Đế hoa** (receptaculum): Đầu phồng lên của cuống hoa, mang các bộ phận của hoa: đài, tràng, nhị và nhụy.

**Đĩa mật**: Bộ phận đặt trên đế hoa, dưới bầu, cấu tạo bởi các tuyến mật để lôi cuốn các sâu bọ đến.

**Đơn tính** (unisexualis): Chỉ mang một loại bộ phận sinh sản, đực hoặc cái thôi. Thí dụ: cây cau, cây thầu dầu. Hai loại hoa đơn tính này có thể ở trên cùng một cây (cùng gốc), hoặc trên hai cây khác nhau (cây khác gốc).

**Khác gốc** (dioecius): Khi cây đực chỉ mang hoa đực và cây cái chỉ mang hoa cái, người ta gọi là cây khác gốc. Ví dụ: cây dương.

**Không sinh sản** (sterilis): Không tham gia vào sự sinh sản được. (Thuật ngữ cũ: bất thụ).

*Lá bắc* (bractea): Lá mọc ở gốc một hoa, có thể biến đổi hình dạng và màu sắc khác đi.

*Lá chét* (foliolum): Lá nhỏ, thành phần hợp thành của lá kép.

*Lá dài* (sepulum): Bộ phận màu xanh lục, hợp thành dài hoa, làm nhiệm vụ bảo vệ các phần của hoa ở trong nụ.

*Lá đơn* (folium simplex): Lá cấu tạo bởi một bản mòng gọi là phiến.

*Lá kèm* (Stipula): Bộ phận nhỏ màu xanh lục mọc ở gốc cuống lá, có thể biến đổi thành gai, thành tua cuồn. Lá kèm đặc trưng cho một số họ như họ Bông, họ Cà phê v.v...

*Lá kép* (folium compositum): Lá cấu tạo bởi nhiều bản mòng, mỗi bản mòng đó gọi là một lá chét. Có 2 loại lá kép: lá kép hình lông chim và lá kép hình chân vịt (lá gạo).

*Lá mầm* (cotyledon): Lá của cây mầm trong hạt (Thuật ngữ cũ: tử điệp). Có loại cây hạt có hai lá mầm, có loại chỉ có một lá mầm (ngô).

*Lá mọc đối* (oppositus): Trên cành, mỗi mấu có hai lá mọc đối diện nhau. Thí dụ: họ Cà phê.

*Lá mọc so le* (alternus): Trên cành, lá mọc riêng lẻ từng cái một, cách xa nhau, mỗi mấu chỉ có một lá.

*Lá mọc vòng* (verticillatus): Mỗi mấu mang 3 lá trở lên (cây trúc đào, sưa).

*Lá chẽ* (folium fidum): Phiến lá bị khía sâu quá 1/4 chiều rộng của phiến lá.

*Lá chia thùy* (folium lobatum): Phiến lá có liên nhau, nhưng chỗ cắt nồng không tới 1/4 chiều rộng của phiến lá.

*Lá khía răng*: Mép lá khía thành nhiều răng cưa nhỏ.

*Lá nguyên* (integer): Phiến lá hoàn toàn không bị khía.

*Lá xe* (folium sectum): Phiến lá bị khía vào sát tận gân lá.

*Lá noãn* (carpellum): Lá biến đổi, tụ họp thành bộ phận cái của hoa. Thí dụ ở quả bưởi, cam, chanh, quýt, quất, có bao nhiêu múi sê có ngần ấy lá noãn thường dính liền với nhau, nhưng cũng có khi rời nhau (sen, hôi). (Thuật ngữ cũ: tám bì).

*Lỗ khí* (stoma): Lỗ thông hơi của biểu bì, mỗi lỗ khí cấu tạo bởi hai tế bào lỗ khí hình hạt đậu để hở một khe nhỏ ở giữa gọi là vi khẩu vì giống như một cái mõm nhỏ. (Thuật ngữ cũ: khí khổng).

*Lỗ vòi* (lenticella): Lỗ thông khí ở ngoài mặt của các thân cây già và rễ cây già thường trông thấy được dưới dạng những kẽ sần ở ngoài mặt.

*Lông bài tiết*: Lông cấu tạo bởi những tế bào bài tiết tiết ra những chất như tinh dầu. Thí dụ: cây bạc hà, hương nhu, kinh giới, tía tô v.v...

*Lông che chở*: Ngoài mặt cây có thể có những lông làm nhiệm vụ bảo vệ cây. Các lông này có thể cấu tạo

bởi một tế bào (lông đơn bào) hoặc bởi nhiều tế bào lồng (lông đa bào).

*Lưỡi nhỏ* (ligula): Bộ phận nhỏ, mỏng ở ranh giới giữa phiến lá và bẹ lá, đặc trưng cho các cây họ Lúa và họ Gừng.

*Lưỡng tính* (hermaphroditus): Hoa có đủ cả hai loại bộ phận sinh sản đực (nhi) và cái (nhụy).

*Móng* (caruncula): Cục thịt mọc lồi ở gốc hạt của một số cây như hạt thầu dầu.

*Ngù* (corymbus): Cành hoa mang nhiều hoa có cuống dài ngắn khác nhau. Cuống hoa ở phía dưới dài hơn cuống hoa ở phía trên, do đó tất cả các hoa đều xếp trên cùng một mặt phẳng nằm ngang. Ở một số cây họ Cúc, các hoa tập hợp thành đầu, rồi các đầu này lại được sắp xếp thành ngù, gọi là ngù đầu. Thí dụ: cây rau má lá rau muống.

*Nhi* (stamen): Bộ phận sinh sản đực của hoa, gồm có một phần phình rộng ở đỉnh gọi là *bao phấn*, và một phần hẹp ở dưới, gọi là *chi nhụy*. Tất cả các nhi trong hoa hợp thành *bộ nhi* (androeicum).

*Nhụy* (pistilum): Bộ phận sinh sản của hoa gồm có một phần phình ở dưới được gọi là *bầu*, đựng các *noãn*, một phần hẹp ở giữa gọi là *vòi*, cuối cùng có một đầu nhỏ gọi là *núm*. Nếu bầu không dính liền với bộ phận ngoài của hoa, ta gọi là *bầu trên* (thuật ngữ cũ: bầu thượng). Nếu bầu dính liền với các bộ phận ngoài của hoa, ta gọi là *bầu dưới* (thuật ngữ cũ: bầu hạ).

*Noãn* (ovulum): Bộ phận sinh sản cái đựng trong bầu của hoa, về sau sẽ phát triển thành hạt.

*Nội nhũ* (endospermum): Mô dự trữ đựng trong hạt để nuôi cây mầm khi hạt này mầm. Chất dự trữ này có thể là chất bột (ngô, gạo) hoặc chất dầu (thầu dầu). Ở một số cây như hạt cau, hạt na, ngoài mặt nội nhũ rãnh reo, người ta gọi là *nội nhũ xếp nếp* (albumen ruminatum).

*Ngoại nhũ* (perispermum): Mô dự trữ đựng trong hạt, bắt nguồn từ noãn tam. Thí dụ: hạt hồ tiêu.

*Núm* (stigma): Là phần ở đầu vòi nhụy, có nhiệm vụ thu nhận các hạt phấn. Núm có thể phình lên như đầu đinh ghim hoặc phân thành nhiều nhánh.

*Phiến lá* (lamina): Phần rộng và dài của lá cây thường có màu lục và có những đường gân lá nổi rõ.

*Quả cái* (siliqua): Quả khô, khi chín mở bởi 4 kẽ nứt thành hai mảnh vỏ, để lại ở giữa một vách ngăn mang hạt (thuật ngữ cũ: giác). Loại quả này đặc trưng cho các cây họ Cải. Nếu chiều cao nhỏ hơn bê rộng, ta gọi *quả cái ngắn* (silicula).

*Quả đóng* (achena): Quả khô, khi chín không mở ra, trong đựng một hạt; vỏ hạt tách rời khỏi vỏ quả. Nếu một hoa sinh ra hai quả đóng, ta gọi quả đóng đôi như ở các cây họ Hoa-tán. Nếu một hoa sinh ra 4 quả đóng, ta gọi là quả đóng tư như ở các cây họ Hoa môi. (Thuật ngữ cũ: quả bế).

*Quả hạch* (drupa): Quả thịt, gồm có vỏ quả ngoài

mỏng, vỏ quả giữa mọng nước, vỏ quả trong dày và cứng tạo thành một cái hạch trong đụng hạt. Thí dụ: đào, mơ, mận.

**Quả hộp** (pyxis): Quả khô khi chín mờ bằng một kẽ nứt ngang thành hai phần như là một cái hộp và nắp hộp hay một cái nôi với cái vung. Thí dụ: mã đề, rau sam, mào gà.

**Quả liệt** (schizocarpum): Quả khô do bầu có nhiều lá noãn tạo nên, khi chín mới tách rời nhau, mỗi lá noãn thành một quả, gọi là *phân quả* (mericarpum).

**Quả mọng** (bacca): Quả chứa nhiều nước do lớp vỏ quả giùa mềm, mọng nước, mang nhiều hạt. Thí dụ: quả cà chua.

**Quả nang** (capsula): Quả khô có hai hay nhiều ô, khi chín mở theo những khe nứt dọc hoặc bằng lô. Thí dụ: cây thuốc lá, cây thuốc phiện.

**Quả thóc** (caryopsis): Quả khô, khi chín không mờ, trong đụng một hạt, vỏ hạt dính liền vỏ quả. Thí dụ: ngô. (Thuật ngữ cũ: quả đinh).

**Sinh sản** (fertilis): Chỉ những bộ phận của hoa có tham gia vào sự thụ tinh. (Thuật ngữ cũ: hữu thụ).

**Tán** (umbella): Cành hoa có các cuống hoa từ đầu ngọn cành đó mọc tỏa ra, đưa các hoa lên cùng một mặt phẳng, trông như cái lọng, cái tán. Nhiều tán đơn có thể tụ họp thành một cái tán kép. Thí dụ: mùi, thìa là, tiêu hối. Các lá bắc tập trung ở đầu ngọn thành một bao chung hay tổng bao, có nhiệm vụ bảo vệ nụ hoa. Trên một tán kép mỗi tán đơn có một bao riêng hay tiểu bao che chở cho các nụ hoa.

**Thân rễ** (rhizoma): Thân cây mọc ngầm ở dưới đất, thường dài và nằm ngang, phủ bởi những lá biến đổi thành vẩy để che chở. Thí dụ: gừng, riềng, nghệ.

**Thùy** (lobus): Khi một bộ phận của lá cây hay của hoa bị nhũng vết khía nồng chia thành nhiều phần nhỏ,

mỗi một phần nhỏ đó gọi là một thùy.

**Tiến khai hoa** (vernatio): Cách sắp xếp các bộ phận của bao hoa (lá dài và cánh hoa) trong nụ trước khi hoa nở.

**Tràng** (corolla): phần của hoa có màu sắc sặc sỡ, làm nhiệm vụ bảo vệ các bộ phận sinh sản và quyến rũ côn trùng. Tràng cấu tạo bởi những bộ phận gọi là cánh hoa.

**Tràng phụ** (paracorolla): Các bộ phận tiếp giáp giữa nhị và tràng, sinh bởi các phân phụ của tràng. Thí dụ: cây náng tây, hoa lạc tiên.

**Tù** (obtusus): Không nhọn.

**Tua cuốn** (cirrus): Bộ phận sinh bởi cuống lá, cuống hoa hay đầu cành thường cuốn lại khi tiếp xúc với giàn leo. Thí dụ: nho, lạc tiên, bâu, bí, mướp.

**Vỏ quả** (pericarpium): Sinh bởi sự biến đổi của vách bầu, chia làm ba lớp: vỏ quả ngoài, vỏ quả giùa và vỏ quả trong. (Thuật ngữ cũ: quả bì).

**Vòi** (stylus): Phần hép ở trên bầu của hoa dùng để đưa ống phấn từ đầu nhụy đến tận noãn để thụ tinh.

**Xim** (cyme): Cành hoa kết thúc bởi một cái hoa ở ngọn cho nên cụm hoa mọc có hạn.

**Xim co** (glomerulus): Cuống các nhánh của một xim co ngắn lại làm các hoa mọc sát nhau, dày đặc. Thí dụ: cây họ Hoa môi. (Thuật ngữ cũ: xim đơn).

**Xim hai ngả**: Sự phân nhánh của một xim xảy ra ở cả hai bên. Thí dụ: hoa xoan.

**Xim một ngả hình bẹ cạp**: Các nhánh của một xim chỉ phân nhánh về một bên thôi và luôn luôn về một hướng làm cho toàn bộ cụm hoa cong như đuôi con bẹ cạp. Thí dụ: cây voi voi.

**Xim một ngả hình đinh ốc**: Các nhánh của một xim vẫn chỉ phân nhánh về một bên thôi, nhưng theo chiều hướng khác nhau, làm cho toàn bộ cụm hoa uốn lượn theo một đường đinh ốc. Thí dụ: hoa ladon.

## II. TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

### Tiếng Việt

*Ấu áiu tu tri - Hải Thượng Lãn Ông* (bản dịch). Nhà xuất bản y học, tập I (1961), tập II (1962).

*Bác Hồ* - Nhà xuất bản văn học, 1960.

*Bách gia trân tàng - Hải Thượng Lãn Ông* - Nhà xuất bản khoa học, 1963.

*400 bài thuốc nam kinh nghiệm* - Nhà xuất bản khoa học, tập I (1962), tập II (1962).

*Bản thảo cương mục* - Lý Thời Trần (bản dịch viết tay của Nguyễn Tử Siêu) (1962- 1965).

*Cây có miền Nam Việt Nam* - Phạm Hoàng Hộ, 2 tập, 1970.

*Cây thuốc, bài thuốc & Biệt dược* - Phạm Thiệp, Lê Văn Thuần, Bùi Xuân Chương, Nhà xuất bản Y học, 2000

*450 cây thuốc nam* - Phó Đức Thành và cộng sự - Nhà xuất bản y học, 1963.

*Chữa bệnh thông thường bằng thuốc nam* - Nhà xuất bản y học, 1962.

*Dược học phổ thông* - Nguyễn Văn Xứng - Nam cương xuất bản, 1950.

*Dược liệu và các vị thuốc Việt Nam* - Đỗ Tất Lợi, Trường đại học y dược khoa, 3 tập (1957) - Nhà xuất

bản y học, in lần thứ hai thành hai tập I (1961) và II (1963).

*Đảng đã đem lại niềm tự hào cho nền y học dân tộc* - Đỗ Tất Lợi, Báo nhân dân ngày 5-9-1963.

*Dời sống con ong và cách nuôi ong* - Nhà xuất bản khoa học, 1962.

*Đông phương y khoa dược tính* - Nhà thuốc Thượng Đức, 1943.

*Đông y thực hành* - Lê Cường xuất bản, 1955.

*Hải Thương Lân Ông* - Lê Ngọc Vũ, 1943.

*Hành giàn trán nhu* - Hải Thương Lân Ông (bản dịch), Nhà xuất bản y học, 1963.

*Hoàng đế nội kinh tó ván* - Nguyễn Tử Siêu dịch, Lê Cường xuất bản, 1954.

*Hoàng hán y học* - Lộc Hà dịch và xuất bản, 1954.

*Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam tập I và tập II* - Nhà xuất bản giáo dục, 1960.

*Lịch sử Trung Quốc* - Trần Văn Giáp, Khu học xá Trung ương, 1955.

*Lịch sử Việt Nam, quyền thương và quyền hè* - Đào Duy Anh, Nhà xuất bản xây dựng, 1955.

*Một số đặc sản có giá trị kinh tế ở vịnh Bắc Bộ* - Nhà xuất bản nông thôn, 1963.

*Nam dược thần hiệu* - Tuệ Tĩnh (bản dịch), Nhà xuất bản y học, 1960.

*Nội khoa ngoại cảm bệnh* - Lê Cường xuất bản, 1956.

*Phân loại thực vật học* - Lê Khả Kế, Nhà xuất bản giáo dục, 1963.

*Phụ đạo xán nhiên* - Hải Thương Lân Ông (bản dịch),

Nhà xuất bản y học, 1963.

*Phụ khoa* - Nhà xuất bản Lê Cường, 1952.

*Phương pháp bào chế đông dược* - Viện nghiên cứu đông y, Nhà xuất bản y học, 1965.

*Phương thuốc kinh nghiệm đúc kết tại Thanh Hóa*, 1965.

*Sách thuốc Việt Nam* - Văn Lãng, Nguyễn Xuân Dương, 1940.

*Thân thể và sự nghiệp y học của Hải Thương Lân Ông* - Lê Trần Đức, Nhà xuất bản y học, 1966.

*Thực vật học phân loại* - Vũ Văn Chuyên, Trường đại học y dược, 1958.

*Thương kinh ký sự* - Hải Thương Lân Ông (bản dịch của Phan Võ), Nhà xuất bản văn hóa, 1959.

*Toa thuốc căn bản* - Nhà xuất bản y học, 1961.

*Trồng cây dược thảo* - Lê Văn Giai, Nhà xuất bản nông thôn, tập I và II, (1961).

*Trung y khái luận* (bản dịch) - Nhà xuất bản y học, tập I (1961), tập II (1962) và tập III (1963)

*Việt Nam dược học* - Phó Đức Thành, Nhà xuất bản Mai Linh 5 tập, 1944.

*Y học giải âm tạp chung* - Tạ Phúc Hải và cộng sự, Hà Nội (1931).

*Y học hàm thụ* - Thương Đức xuất bản, 1941-1944.

*Tập san và tạp chí:*

*Tạp chí đông y* từ năm 1958

*Tạp san dược học* từ năm 1960.

*Y học tạp chí (đông y)*, 1937 - 1941.

*Y học tạp chí (tây y)* từ năm 1955

*Y học thực hành* từ năm 1955.

## Tiếng Anh, Đức và Pháp

*Dương Bá Bành* - *Introduction à l'étude de la médecine du Viêt Nam* - Hà Nội, 1947 (in rônêô)

*Bourret (René)* - *Les serpents de l'Indochine* - Toulouse, 1936.

*Bourret (René)* - *Les serpents venimeux en Indochine*, Bulletin général de l'Instruction publique 5 - 1938.

*Bourret (René)* - *Les tortues de l'Indochine* - Institut oceanographique de l'Indochine - 1941.

*A.Brunel* - *Traité pratique de chimie végétale* tome I, II, III, IV (1952).

*Ch. Crevost* - *Catalogue des produits de l'Indochine* tome IV - 1927.

*Ch. Crevost và Pételet* - *catalogue des produits de l'Indochine* tome V. fascicule I (1928), fascicule II (1935).

*P. Cristol* - *Précis de chimie biologique médicale* - Masson et Cie, 1948.

*E.D. Freise và F.von Morgenstern* - *Der drogist.*

*J. Golse* - *Précis de matière médicale* N. G. Doin et Cie, 1935.

*Hazard (René)* - *Précis de thérapeutique et de pharmacologie* Masson et Cie, 1955.

*J. Heraïl-Traité de matière médicale*, 1927.

*Nghiêm Xuân Huỳnh* - *Les médicaments mercuriels dans la médecine sino annamite* - Annales de l'Ecole supérieure de médecine et de pharmacie de l'Indochine, 1941.

*P. Lebeau et M. M. janot* - *Traité de pharmacie chimique* Masson et Cie, 1955 - 1956.

*H. Lecomte* - *Flore générale de l'Indochine*.

*Mayer (Gabriel)* - *Alcaloides et glucosides*, Paris Liège, 1934.

*Mollinedo* (berthe joyeux) - Etude des strychnos nux blanda H. II et du Hoàng nàn, Paris, 1936.

*R. R. Paris et H. Moyse* - *Matière médicale* - Masson et Cie 1955 (tome I), 1967 (tome II), 1971 (tome III)

*E. Perrot* - *Matières premières usuelles du règne*

végétal Masson et Cie, 1943 - 1944.

A. Pételot - *Les plantes médicinales du Cambodge du Laos et du Viêt Nam IDEO*, 1952 - 1954.

L. Planchon, P. bretin et P. Manceau - *Précis de matière médicale*, Maloine, 1946.

Polonovski Michel - *Biochimie médicale*, Masson et Cie, 1948.

Sallet A. - *L'officine sino - annamite en Annam*, Paris, 1931.

Bùi Đình Sang - *Contribution à l'étude du stephania rotunda* (Lour), 1944 (dactylographié).

Stahl Egon - *Lehrbuch der Pharmakognosie*, 1962.

Ulrich R. - *La vie des fruits*, Masson et Cie, 1952.

Wattiez N. et F. Sternon - *Eléments de chimie végétale*, Masson et cie, 1934.

Annales de L'école supérieure de médecine et de pharmacie, 1941.

Annales pharmaceutiques francaises

Bulletin économique de l'Indochine.

Codex medicamentus 1937, 1949, 1965.

Revue médicale française d'extrême orient.

Travaux des laboratoires de matière médicale et de pharmacie galénique de la Faculté de Paris tome XXVII 1936.

## Trung văn (phiên âm ra tiếng Việt)

*Bản thảo cương mục* - Lý Thời Trần (thế kỷ thứ 16) bản in lại năm 1955 của Thương vụ ăn thư quán.

*Bản thảo cương mục thập di* - Triệu Học Mẫn bản in lại năm 1954 của Thương vụ ăn thư quán.

*Dã sinh sát trùng thực vật để thuyết* - Quảng Đông nhân dân xuất bản xã 1959.

*Dược dụng thực vật cấp sinh lý học* - Từ Quốc Quân, Bắc Kinh, 1954.

*Dược điển Trung Quốc*, 1963 quyển I.

*Dược điển Trung Quốc*, ảnh màu, 1963.

*Dược lý học* - Trương Nghị, Nhân dân vệ sinh xuất bản xã, 1959.

*Dược lý học* - Trương Xương Thiệu, Nhân dân vệ sinh xuất bản xã, 1960.

*Dược tài học* - Nhân dân vệ sinh xuất bản xã Bắc Kinh, 1960.

*Dược tài học giảng nghĩa* - Nhân dân vệ sinh xuất bản xã, 1961.

*Giang Tô tinh thực vật dược tài chí* - Khoa học xuất bản xã, Bắc Kinh, 1959.

*Giang Tô trung dược danh thực đồ khảo* - Giang Tô nhân dân xuất bản xã, 1959.

*Hiện đại thực dụng trung dược* - Diệp Quyết Tuyên - Thương hải vệ sinh xuất bản xã, 1957.

*Hoàn tán cao đơn tập thành* - Thương Hải khoa học kỹ thuật xuất bản xã, 1959.

*Nội khoa lâm sàng thủ sách* - Thương Hải khoa học kỹ thuật xuất bản, 1960.

*Nông dược giám giới* - Thương Hải khoa học kỹ thuật xuất bản xã, 1959.

*Quảng Tây Trung thú y dược dụng thực vật* - Khoa học xuất bản xã, 1959.

*Quảng Châu thực vật chí* - Khoa học xuất bản xã, 1956.

*Quảng Tây trung dược chí* - Nam Ninh, tập I (1959), tập II (1963).

*Quốc dược học* - Lâu Chi Sâm, Nhân dân vệ sinh xuất bản xã, 1956.

*Sinh dược học* - Lý Thừa Cố, Trung Quốc khoa học đồ thư khí công ty, 1952.

*Sinh dược học* - Từ Quốc Quân, Triệu Thủ Huân, Nhân dân vệ sinh xuất bản xã, 1958.

*Sinh dược học* - Vương Diện Tường, Giang Tô nhân dân xuất bản xã, 1959.

*Thực vật dược phẩm hóa học* - Lâm Khải Thọ, Nhân dân vệ sinh xuất bản xã, 1956.

*Trung dược bào chế kinh nghiệm tập thành* - Nhân dân vệ sinh xuất bản xã Bắc Kinh, 1965.

*Trung dược chí* - Nhân dân vệ sinh xuất bản xã, 1960 - 1961: tập I, II, III và IV.

*Trung dược đích dược lý dữ ứng dụng* - Chu Nhán, Nhân dân vệ sinh xuất bản xã Bắc Kinh, 1958.

*Trung dược học* - Nhân dân vệ sinh xuất bản xã Bắc Kinh, 1959.

*Trung dược tài phẩm chứng luận thuật* - Thương Hải khoa học kỹ thuật xuất bản xã, 1964.

*Trung dược tài sinh sản kỹ thuật* - Bắc Kinh, 1962.

*Trung dược tân biên* - Khâu thân ba Thương Hải, 1953.

*Trung Quốc dược dụng thực vật chí* - Khoa học xuất bản xã, tập I (1955), tập II (1951), tập III (1953), tập IV (1956), tập V (1957), tập VI (1958), tập VIII (1965).

*Trung Quốc dược dụng thực vật đồ giám* - Thương Hải giáo dục xuất bản xã, 1960.

*Trung Quốc nhân dân cộng hòa quốc dược điển* - Đệ nhất tảng bổ bản, 1957.

*Trung Quốc thổ nồng dược chí* - Khoa học xuất bản xã, Bắc Kinh, 1959.

*Trung Quốc y học sử* - Thương Hải Thương vụ ăn thư quán, 1957.

*Trung y dược lâm sàng thực nghiệm vững biền* - Khoa học kỹ thuật vệ sinh xuất bản xã, 1958.

*Trung y nghiên cứu công tác tư liệu vững biển* - Thương Hải khoa học kỹ thuật xuất bản xã, 1959.

*Dược học thông báo các năm*

*Trung dược thông báo Trung y tạp chí các năm*.

**Tiếng Nga**  
*(vốn là gốc tiếng Nga được dịch ra tiếng Việt vì điều kiện in không cho phép)*

**Hoạt động hiệu thuốc các năm**  
Tranh cát Liên Xô - Matxcova, 1962  
I. I. Brekhman - Nhân sâm, NXB Y học, 1957  
I. I. Brekhman - Eleutherococcus, Leningrad, 1968  
Những vấn đề được liệu - Leningrad I (1958), II (1961), III (1964), IV (1967)  
V. N. Vorochilov - Thực vật chí Viễn Đông, NXBKH, Matxcova, 1966  
VILAR - Trồng cây thuốc, Medguiz, 1952  
A. F. Hammerman - Giáo trình được liệu học, Medghiz, 1967  
A. F. Hammerman và B. V. Semitrov - Từ điển cây thuốc dùng ở Tây Tạng (Tây Tạng - Latinh), Ulan-Ude, 1963.  
A. F. Hammerman - M. D. Choupinxkaia và A. A. Yatsenko-Khmelevski - Giá trị cây thuốc, Matxcova, 1963  
Được diễn Liên Xô - 10, Medghiz, Matxcova, 1961  
P. G. Garovoi - Cây họ hoa tán vùng biển và ven biển, NXBKH Matxcova-Leni- grad, 1966  
I. V. Gruchvixkii - Nhân sâm, Viện hàn lâm khoa học Liên Xô, 1961  
D. Denis- D. Z. Drovanemi - Sinh hóa cây thuốc, Matxcova, 1966  
M. A. Dobrinxkaia và N. A. Avbovich - Sinh lý-Sinh hóa, Medghiz, 1961

A. I. Ermakov, V. V. Arasimovich, M. I. Smirnova - Iconikova, I. K. Moura - Phương pháp nghiên cứu hóa sinh-sinh lý cây thuốc, Matxcova-Leningrad, 1952  
S. E. Zemlinskii - Cây thuốc Liên Xô, Matxcova, 1961  
F. Ibraghimov, V. Ibramghimova - Cây thuốc và vị thuốc Trung Quốc, Matxcova, 1960  
V. L. Cretovich - Cơ sở sinh hóa thực vật, Matxcova, 1961  
Cây thuốc Liên Xô - Kolos, Matxcova, 1967  
M. D. Machkovskii - Vị thuốc, Medghiz, 1960  
A. P. Orekhov - Hóa học alcaloit, Viện hàn lâm khoa học Liên Xô, 1955  
M. N. Prozica - Vị phẫu thực vật, Matxcova, 1960.  
Tài nguyên thực vật tập I (1965), II (1966), III (1967), IV (1968)  
Được lý học - Medghiz, 1961  
V. S. Sokolov - Cây chữa alcaloit của Liên Xô, VHLKHLX, 1952  
M. D. Choupinskaia - Được liệu học, Medghiz, 1956  
Từ điển cây thuốc và cây tinh dầu Liên Xô, Matxcova 1951  
N. G. Kovaleva - Chữa bệnh bằng cây thuốc, Matxcova, 1972  
A. D. Tourova - Cây thuốc Liên Xô, Matxcova, 1974  
D. A. Mouraeva - A. F. Hammerman - Cây thuốc vùng nhiệt đới và á nhiệt đới, Matxcova, 1974.

### III. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VÀ TÀI LIỆU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

#### SÁCH

##### 1. NHỮNG CÂY THUỐC VÀ VỊ THUỐC VIỆT NAM

- Xuất bản lần thứ nhất: 6 tập, khổ 13 x 19 cm, 1.494 trang, 10.000 cuốn, NXB Khoa học và kỹ thuật, 1962-1965.
- Xuất bản lần thứ hai, có sửa chữa và bổ sung: 2 tập, khổ 13 x 19 cm, 10.000 cuốn, NXB Khoa học và kỹ thuật, 1969-1970.
- Xuất bản lần thứ ba, có sửa chữa và bổ sung: 1 tập, khổ 16 x 24 cm, 20.000 cuốn, NXB Khoa học và kỹ thuật, 1977.
- Xuất bản lần thứ tư, có sửa chữa và bổ sung: 1 tập, khổ 16 x 24 cm, 1.250 trang, 20.000 cuốn, NXB Khoa học và kỹ thuật, 1969-1970.
- Xuất bản lần thứ năm, có sửa chữa và bổ sung: 1 tập, khổ 16 x 24 cm, 1.250 trang, 30.000 cuốn, NXB Khoa học và kỹ thuật, 1986.

- Xuất bản lần thứ sáu, có sửa chữa và bổ sung: 1 tập, khổ 16 x 24 cm, 2.500 cuốn, NXB Khoa học và kỹ thuật, 1991.

- Xuất bản lần thứ bảy, có sửa chữa và bổ sung: 1 tập, khổ 16 x 24 cm, 1.688 trang, 2.000 cuốn, NXB Khoa học và kỹ thuật, 1995.

- Xuất bản lần thứ tám, có sửa chữa và bổ sung, 1 tập, khổ 19x27cm, 1.1294 trang, 1.500 cuốn, NXB Y học, 1999

- Xuất bản lần thứ chín, có sửa chữa và bổ sung, 1 tập, khổ 19x27cm, 1.1294 trang, 1.000 cuốn, NXB Y học, 2000

- Xuất bản lần thứ mười, có sửa chữa và bổ sung, 1 tập, khổ 19x27cm, 1.1294 trang, 1.000 cuốn, NXB Y học, 2001

- Xuất bản lần thứ mươi một, có sửa chữa và bổ sung, 1 tập, khổ 19x27cm, 1.1294 trang, 1.000 cuốn, NXB Y học, 2003

**2. TƯƠNG LAI CHỮA BỆNH CỦA CLOROPHYL** (cùng với Nguyễn Văn Đàm) - In hai lần (litho) do *Vui sống* và tổ in Viện khảo cứu và chế tạo dược phẩm - 15 trang, Cục quân y, Báo cáo tại hội nghị quân y, 1948.

**3. THUỐC TIỀM** - Do *Vui sống* in, 88 trang, 1950.

**4. THUỐC MỠ VÀ THUỐC VIÊN** (cùng với Nguyễn Xuân Hiền và Nguyễn Xuân Tiến) - Do *Vui sống* in, 50 trang, 1950.

**5. SỔ TAY DÙNG THUỐC**

- Lần thứ nhất: Do Mai Huy Thịnh in, 148 trang, 1956.

- Lần thứ hai: Có sửa chữa và bổ sung, Nhà xuất bản y học, 1957.

**6. DƯỢC LIỆU VÀ CÁC VỊ THUỐC VIỆT NAM (Giáo trình)**

- Lần thứ nhất: Ba tập, 660 trang, Trường đại học y dược xuất bản, 1957.

- Lần thứ hai, có sửa chữa và bổ sung: Tập I, 356 trang, Nhà xuất bản y học, 1961.

Tập II, 300 trang, Nhà xuất bản y học, 1963.

- Lần thứ ba, có sửa chữa và bổ sung (cùng Ngô Văn Thu): Hai tập, 499 trang, Nhà xuất bản y học, 1970.

**7. SỔ TAY DÙNG THUỐC VÀ CHỮA BỆNH -**

Cùng Đỗ Xuân Hợp dựa trên cuốn *Sổ tay dùng thuốc có sửa chữa và bổ sung*.

- Lần thứ nhất: 320 trang, Nhà xuất bản y học, 1958.

- Lần thứ hai, có sửa chữa và bổ sung: 406 trang, Nhà xuất bản y học, 1960.

**8. CÁC PHƯƠNG PHÁP CHẾ TINH DẦU:** 82 trang, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, 1962.

**9. PHƯƠNG PHÁP PHOI SẤY VÀ LÒ SẤY THỦ CÔNG** (cùng kỹ sư Phạm Mạnh Toàn) - 44 trang, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, 1962.

**10. DỰ THẢO DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM TẬP 1: Các chuyên luận rễ ba gác, cam thảo, hoàng đằng, vỏ lụu.** Nhà xuất bản y học, 1965.

**11. THUỐC NAM THƯỜNG DÙNG** - 212 trang, 30.000 cuốn, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, 1969.

**12. KỸ THUẬT TRỒNG SÀ VÀ CẮT TINH DẦU SÀ** - 120 trang, khổ 13 x 19 cm, NXB TP Hồ Chí Minh, 1984.

**13. TINH DẦU VIỆT NAM** - 152 trang, khổ 14,5 x 20,5 cm, Nhà xuất bản y học, 1985.

**14. CÂY BẠC HÀ** - 198 trang, khổ 13 x 19 cm, NXB TP Hồ Chí Minh, 1987.

**15. CÂY TRÀM VÀ TINH DẦU TRÀM** (cùng Phan Bá Minh) - 104 trang, khổ 13 x 19 cm, NXB Long An, 1989.

## CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC

**1. Vấn đề bán và chế thuốc ở nước ta** - Báo Dân thanh ngày 31-10-1946.

**2. Neriolin, một vị thuốc chữa bệnh tim lấy ở cây trúc đào có sẵn trong nước ta** - Tạp chí y học Việt Nam số 1. XII., 2 trang, 1955.

**3. Chế tecpin từ tinh dầu thông Việt Nam** - Báo cáo ở Bộ y tế, 4 trang. Xí nghiệp dược phẩm 1 đầu tư phương tiện cho Trường sản xuất, 1956.

**4. Chế thuốc tiêm cao ban long** - Báo cáo ở Hội y học, 4 trang, 1956.

**5. Nén trống cây bạc hà, một cây nguyên liệu kỹ nghệ phổ thông** - Báo Thời mới ngày 22-6-1956, 3 trang.

**6. Sur le Gekko gekko L. un lézard à propriétés pharmaceutiques** (cùng với Đào Văn Tiến Trường đại học tổng hợp Hà Nội) - Đánh máy, không in, 15 trang, 1957.

**7. Con tắc kè, một vị thuốc bổ và chữa hen suyễn của nhân dân** - Y học thực hành, số 28, 3 trang, 1957.

**8. Trồng cây bạc hà** - Báo Nhân dân ngày 6.2.1958,

số 1429.

**9. La nérioline et ses effets thérapeutiques** (tiếng Pháp) (cùng với Đặng Văn Chung và Trịnh Xuân Giáp), Semaine des hôpitaux - 1 trang, Paris, 1958.

**10. Một phương pháp đơn giản để lấy thevetine trong hạt cây thông thiên** (cùng với Hoàng Xuân Vinh) - Kỷ yếu công trình Trường đại học y dược khoa Hà Nội, 4 trang, 1958.

**11. Góp phần nghiên cứu rễ chút chít - Rumex wallichii để áp dụng trong việc điều trị** (cùng với Herman G., Ciulei I. và Ngô Úng Long) - Tạp chí y học Việt nam, 5 trang, 2. 1960.

**12. 15 années d'étude de la mise en valeur des drogues vietnamiennes** (tiếng Pháp, in nhân dịp 15 năm thành lập nước VNDCCH) - Tạp chí y học, 5 trang, 1960.

**13. Phương pháp đơn giản để cố định vị phẫu thực vật** (cùng với Phạm Xuân Cù) - Tạp san sinh vật địa Ủy ban khoa học nhà nước, 2 tr, 1.1960.

**14. Nghiên cứu tinh dầu Pomu** (cùng với Herman G. I Ciulei) - Tạp san khoa học kỹ thuật - Ủy ban khoa học

nha nước, 6 trang, 1.1960.

15.*Nghiên cứu tác dụng nhuân tràng của lá khoai lang* (cùng với Bùi Tá Hoan) - Y học thực hành, Phần dược, 3 trang, 1.1961.

16.*Góp phần nghiên cứu quả bồ kết* (cùng với Herman G., I.Ciulei I) - Tạp chí y học Việt Nam, 4 trang, 1.1961.

17.*Góp phần nghiên cứu vị sâm bổ chính* (cùng với Vũ Văn Chuyên và Trương Vinh) - Y học thực hành, Phần dược, 3 trang, 1.1961.

18.*Dùng phế phẩm kỹ nghệ cánh kiến đỏ làm thuốc nhuộn vi phẫu thay cacmin* (cùng với Herman G. và Phạm Xuân Cù) - Tập san sinh vật địa Ủy ban khoa học nhà nước, 2 trang, 4.1961.

19.*Sơ bộ nghiên cứu vị thổ hoàng liên, Thalictrum sp.* - Tạp chí y học Việt Nam, 6 trang, 1.1961.

20.*Nghiên cứu chiết xuất rutozit từ hoa hòe trong điều kiện Việt Nam* (cùng với Herman G., Ciulei I. và Đặng Hồng Vân) - Tạp chí y học, 3 trang, 1.1962.

21.*Giới thiệu cây Rauwolfia ở miền Bắc Việt Nam* - Tập san sinh vật địa Ủy ban khoa học nhà nước số V, 5 trang, 6.1962.

22.*Góp phần nghiên cứu vị ba kích* (cùng với Võ Hữu Đức) - Tập san sinh vật địa, Ủy ban khoa học nhà nước, 4 trang, 1.1963.

23.*Nghiên cứu sự tích lũy ancaloit trong rễ cây ba gác trồng so sánh với cây ba gác mọc hoang* (cùng với Phạm Xuân Cù) - Một số công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật ngành dược, Nhà xuất bản y học, 8 trang, 1963.

24.*Nghiên cứu những vị thuốc mang tên cam thảo* (cùng với Phạm Xuân Cù và Ngô Văn Thu) - Tạp chí khoa học kỹ thuật nông nghiệp, 5 trang, 8.1963.

25.*Điều tra có ancaloit trong họ Đậu* (cùng với Thịnh và Châu) - Báo cáo tại hội nghị khoa học Trường đại học tổng hợp, 15 trang, 1963.

26.*Góp phần điều tra những cây thuốc có ancaloit ở Việt Nam* (cùng với Ngô Văn Thu và Phạm Xuân Cù) - Một số công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật ngành dược, Nhà xuất bản y học, 6 trang, 1963.

27.*Contribution à l'étude de l'extrait gekkogekko L.* (tiếng Rumani) (cùng với Herman G., Ciulei I., M. Marin...), Farmacia, 12 trang, 5. 1963.

28.*Sơ bộ nghiên cứu cây hương bài ở miền Bắc Việt Nam* (cùng với Phạm Xuân Cù và Vũ Ngọc Lộ) - Báo cáo tại hội nghị khoa học Trường đại học dược khoa, 5 trang, 1963.

29.*Nghiên cứu về cây bạc hà Việt Nam* - Báo cáo tại Ủy ban khoa học nhà nước, 5 trang, 1963.

30.*Nghiên cứu sâu bọ ăn hại dược liệu ở Việt Nam* (cùng với Trần Công Khánh) - Tập san sinh vật đại, 5 trang, 2.1963.

31.*Über Rauwolfia in Nord Vietnam* (tiếng Đức) - Die Pharmazie, 2 trang, 10.1963.

32.*Sơ bộ nghiên cứu một số cây chúa becberin và panmatin ở Việt Nam* - Tạp chí y học, 8 trang, 1.1963.

33.*Bạc hà và tinh dầu bạc hà* - Khoa học thường thức 103, 25.V, 1.1963.

34.*Góp phần nghiên cứu chế từ tắc kè* - Tạp chí y học Việt Nam, 13 trang, 1.1964.

35.*Contribution à l'étude des plantes à ancaloides du Vietnam* (tiếng Pháp) (cùng với Ngô Văn Thu và Phạm Xuân Cù) - In nhân dịp hội nghị khoa học Bắc Kinh, Tạp chí y học, 8 trang, 7.1964.

36.*Các chuyên luận Dược điển: Rễ chút chít, cao lồng chút chít, cao mềm chút chít* - Dược học, 3 trang, 5.1964.

37.*Giới thiệu Dược điển Trung Quốc 1963* - Dược học, 3 trang, 6.1964.

38.*Xây dựng Dược điển* - Dược học, 4.1964.

39.*Etude pour la valorisation des plantes médicinales au Vietnam* (được dịch ra tiếng Nga in trong tập Văn đề dược liệu) - Viện hóa dược học Leningrad, 8 trang, 2.1964.

40.*Nghiên cứu trồng cây bạc hà và cải tinh dầu bạc hà ở Việt Nam* - Tập san khoa học kỹ thuật nông nghiệp, 6 trang (tóm tắt bằng tiếng Pháp và tiếng Nga), 9.1965.

41.*Góp phần nghiên cứu cây hương bài và tinh dầu hương bài ở Việt Nam*, Khoa học kỹ thuật nông nghiệp, 5 trang, 9.1965.

42.*Nghiên cứu tác dụng diệt chuột của cây hành biển Scilla maritima di thực từ miền nam Liên Xô vào Việt Nam* (cùng với Nguyễn Chắc Tiển, Trần Đức Diên, Nguyễn Văn Biên và Phạm Ngọc Diệp) - Báo cáo tại Hội đồng khoa học Viện vệ sinh dịch tễ, Tạp chí y học Việt Nam 3-4, 3 trang (tóm tắt tiếng Pháp).

Còn in trong Công trình nghiên cứu khoa học 1960-1965 của Viện vệ sinh dịch tễ - Nhà xuất bản y học tr. 135-138 (tóm tắt Nga, Anh, Pháp), 1966.

43.*Cơ sở khoa học và thực tiễn của phương châm kết hợp đông y và tây y* - Tin tức hoạt động khoa học, 5 trang, 9.1966.

44.*Chiết một loại cacmin từ nhựa cánh kiến đỏ Việt Nam* - Tập san sinh vật địa V-3, 3 trang, 8.1966.

45.*Nghiên cứu tác dụng chống dị ứng của vị kim ngân trên thực nghiệm và trên lâm sàng* (cùng với Nguyễn Năng An, Bùi Chí Hiếu) - Tạp chí y học Việt Nam 3-4, 8 trang, 1967.

46.*Một số ý kiến về hướng phát triển ngành hóa thực vật Việt Nam* - Tin tức hoạt động khoa học, 9 trang, 12.1967.

47.*Nghiên cứu đưa vào sản xuất vấn đề trồng cây bạc hà và cải tinh dầu bạc hà ở Việt Nam* - Tạp chí y học Việt Nam, 10 trang, 2.1967.

- Tạp san hóa học V-2, 9 trang, 6.1967.

- Khoa học kỹ thuật nông nghiệp (347-350), 9.1967.

48.*Chiết một loại cacmin từ cánh kiến đỏ Việt Nam*

- Dược học, trang 4-9, 10.1967.

- 49.Một số ý kiến về phát triển nền đông y Việt Nam**  
 - Tin tức hoạt động khoa học, 10 trang, 3. 1968.
- 50.Nghiên cứu cây bạc hà Việt Nam** (cùng với Trần Văn Bính) - Báo cáo tại hội nghị khoa học Trường đại học dược khoa, 7.4.1969.
- Báo cáo tại hội nghị sinh vật UBKHNN, 28.4.1969.
  - Khoa học kỹ thuật nông nghiệp, 12.1969.
- 51.Kết quả bước đầu nghiên cứu đời sống con tắc kè để đặt vấn đề nuôi tắc kè dùng làm thuốc** - Dược học 5, tr. 11-20, 1969.
- Báo cáo ở Phân hội động vật 3.1969.
  - Báo cáo tại Hội nghị khoa học Trường đại học dược khoa 7.4.1969.
  - Báo cáo tại Hội nghị sinh vật học UBKHNN 28.4.1969.
  - Báo cáo tại Hội nghị thuốc nam châm cứu 25.6.1969.
  - Báo cáo ở Viện nghiên cứu đông y 27.8.1969.
- 52.Nghiên cứu dùng vỏ thân và vỏ rễ xoan làm thuốc tẩy giun** (cùng với Đỗ Văn Thủ) - Báo cáo tại Hội nghị nghiên cứu khoa học Trường đại học dược khoa 7.4.1969.
- 53.Một số ý kiến về hướng phát triển ngành dược học trong những năm tới** - Tin tức hoạt động khoa học, 6 trang, 4.1969.
- 54.Y miêu Hà Nội** - Tập san nghiên cứu lịch sử UBKHNN, số 124, tr. 61-62, 7.1969.
- Đăng trên báo Hà Nội mới 2.XI.1969.
  - Tạp chí đông y số 102, tr. 74-77.
- 55.Nghiên cứu sử dụng kê đẻ chữa bướu cổ** (cùng Phạm Kim Loan) - Báo cáo tại Hội nghị thuốc nam châm cứu 25.9.1969.
- 56.Nghiên cứu tận dụng nguồn xương động vật để chế thuốc** (cùng Nguyễn Thị Hanh) - Tạp chí y học Việt Nam 1-2, tr. 8-14, 1969.
- 57.Kết quả bước đầu của đơn thuốc nam HA1 chữa tăng huyết áp** (cùng Nguyễn Văn Tân và Phạm Tuyết Mai) - Tạp chí y học Việt Nam, tr. 7-15 (có tóm tắt tiếng Pháp), 1.1970.
- 58.Một số ý kiến về công tác nghiên cứu khoa học** - Tin tức hoạt động khoa học, tr. 6-10, 6.1970.
- 59.Nghiên cứu cây bạc hà Việt Nam** (cùng Trần Văn Bính) - Dược học, tr. 10-16, 2.1970.
- 60.Dùng cây kê đàu ngựa để phòng và chữa bệnh bướu cổ** - Tạp chí đông y số 109, tr. 31-33, 1970.
- Khoa học thường thức Chuyên đề bướu cổ - Trường đại học y khoa (in ronéo), tr. 123-126.
- 61.Góp phần nghiên cứu sinh thái con mồi dùng làm thuốc** (cùng Trần Huyền Trần) - Báo cáo tại Hội nghị nghiên cứu khoa học Trường đại học dược khoa 8.1970.
- 62.25 năm công tác điều tra những cây thuốc và đơn thuốc kinh nghiệm trong nhân dân Việt Nam** - Báo cáo tại Hội nghị nghiên cứu khoa học Trường đại học dược khoa 8.1970.
- 63.Dùng vỏ thân và vỏ rễ xoan để chữa giun** (cùng Đỗ Văn Thủ, Nguyễn Văn Niêm) . Tạp chí y học thực hành 164, tr.13-14, 1970.
- 64.Nghiên cứu sử dụng vỏ xoan làm thuốc tẩy giun** (cùng Đỗ Văn Thủ, Lê Thị Sắc, Nguyễn Văn Niêm, Nguyễn Ngọc An, Nguyễn Cao Bảo) - Tạp chí y học Việt Nam (tóm tắt tiếng Pháp), tr. 1-10, 4.1970.
- 65.Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, nhà đại danh y dân tộc, nhà khoa học lớn, đồng thời là nhà tư tưởng, nhà văn lỗi lạc của nước ta ở thế kỷ 18** - Tin tức hoạt động khoa học, tr. 33-37, 12.1970.
- 66.Hải Thượng Lãn Ông, nhà khoa học nổi tiếng của nước ta ở thế kỷ 18** - Khoa học thường thức 30.11.1970.
- 67.Hải Thượng Lãn Ông với ngành dược** - Dược học, tr. 1-4, 6.1970.
- 68.Các vị thuốc và đơn thuốc trong tác phẩm của Hải Thượng Lãn Ông** - Tạp chí đông y số 110-111 tr. 188-195, 1970.
- 69.Tác phẩm Hải Thượng y tông tâm linh đã được viết và phổ biến như thế nào ?** - Y học thực hành 168, tr. 2-28, 1970.
- Tuyển tập kỷ niệm lần thứ 250 ngày sinh của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, Nhà xuất bản y học, tr. 94-101, 1970.
- 70.Nghiên cứu dùng vỏ xoan làm thuốc tẩy giun** (cùng Nguyễn Ngọc An, Lê Thị Sắc, Chu Mai Hào, Nguyễn Văn Ngót, Đặng Văn Trường) - Dược học, tr. 4-7, 1.1971.
- 71.Về tên khoa học của cây ích mẫu Việt Nam** - Dược học, tr. 3-5, 2.1971.
- 72.Tình hình nghiên cứu và sử dụng ích mẫu ở trong và ngoài nước từ trước đến nay** - Dược học, tr. 1-8, 5.1971.
- Báo cáo của Hội đồng khoa học kỹ thuật Bộ y tế, 8.1969.
  - Thông báo khoa học Trường đại học dược khoa số 7.1970 (in ronéo).
- 73.Nghiên cứu dùng vị sáu đàu cát chuột để chữa lỵ amip** - Thông báo số 1: Tìm hiểu về thực vật và phân bố - Dược học, tr. 17-21, 3.1971.
- 74.Nghiên cứu dùng vị sáu đàu cát chuột để chữa lỵ amip ché** (cùng Nguyễn Tất Tế, Nguyễn Thị Giao Tiên, Lê Văn Khâm)- Thông báo số 2: Nghiên cứu tìm dạng bào - Dược học, tr. 5-10, 6.1971.
- 75.Một công nghiệp trẻ ở nước ta: công nghiệp tinh dầu và nhựa** - Tạp chí Hoạt động khoa học, tr. 37-43, 12.1971.
- 76.Dùng xirô mơ làm nước uống cho công nhân lao động chống nóng** (cùng Bùi Thủ, Phạm Quý Soạn, Lê Gia Khải, Nguyễn Đình Thái, Dương Văn Đông) - Tạp chí y học Việt Nam (tóm tắt tiếng Pháp), tr. 34-40, 3.1971.
- 77.Sur le gekko - gekko Linn., un lézard à propriétés**

*pharmaceutiques* (cùng với Đào Văn Tiến) - Travaux scientifiques, Institut de pharmacie, Editions médicales, tr. 48-52, 1971.

78. *Etude experimentale et clinique de l'action antiallergique du Lonicera japonica Thunb.* (cùng với Nguyễn Năng An, Bùi Chí Hiếu) - Revue médicale, Editions médicales Hà Nội, tr. 128-137 (tóm tắt Anh, Nga), 1971.

79. *25 năm gop phan nhan dan Viet Nam* - Dược học, tr. 1-6, 1.1972.

80. *Nghiên cứu khai thác sử dụng những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam* - Tạp chí Hoạt động khoa học UBKHKTNN, tr. 5-14, 9.1972.

81. *Nghiên cứu vị kim ngân làm thuốc chữa dị ứng* (cùng với Nguyễn Văn Khả, Nguyễn Hải Ban và Lê Văn Diện) - Thông báo số 2: Nghiên cứu tác dụng chữa dị ứng trên thực nghiệm của một số loài kim ngân thường gặp ở miền Bắc nước ta, Y học Việt Nam, tr. 44-47, 2.1972.

82. *Nghiên cứu dùng vị sầu đâu cút chuột để chữa lý amip* (cùng với Lê Phi Phương và Lê Văn Khâm) - Thông báo số 3: Xây dựng tiêu chuẩn thành phần và phương pháp kiểm nghiệm những vị thuốc chế từ vị sầu đâu cút chuột, Dược học, tr. 11-15, 5.1972.

83. *Etude sur l'emploi de l'écorce de racine et de tronc du Melia azedarach Linn. comme vermifuge* (en collaboration avec Đỗ Văn Thủ, Lê Thị Sắc, Nguyễn Văn Niêm, Nguyễn Ngọc An, Nguyễn Cao Bảo) - Revue médicale, p. 149-163, 1972.

84. *Nghiên cứu sử dụng các bộ phận của con cóc để chế thuốc* (cùng với Đào Kim Long, Trần Kiên, Nguyễn Quốc Thắng) - Thông báo số 1: Tìm hiểu về phân loại sinh học và phân bố của con cóc ở miền Bắc Việt Nam, Dược học, tr. 1-4, 2.1973.

85. *Nghiên cứu sử dụng các bộ phận của con cóc để làm thuốc* (cùng với Đào Kim Long) - Thông báo số 2: Nghiên cứu chế vị thiêm tố, Dược học, tr. 15-19, 5.1973.

86. *Nghiên cứu sử dụng các bộ phận của con cóc để làm thuốc* (cùng với Đào Kim Long) - Thông báo số 3: Tìm hiểu về chế biến thịt cốc chữa bệnh suy dinh dưỡng của trẻ em, Dược học, tr. 7-9, 6.1973.

87. *Nghiên cứu xử lý lồng già cầm (vịt, ngỗng) để làm chăn và áo* - Khoa học kỹ thuật nông nghiệp, tr. 765-767, 10.1973.

88. *Nghiên cứu dùng clorua panmatin để điều trị hội chứng lỵ* (cùng với Nguyễn Tất Tế, Nguyễn Thị Giao Tiên, Phạm Tuyết Mai và Nguyễn Thu Hường) - Thông báo khoa học Trường đại học dược khoa số 17-1973.

89. *Nghiên cứu đưa clorua panmatin vào làm thuốc hội chứng lỵ* (cùng với Nguyễn Tất Tế, Nguyễn Thị Giao Tiên, Phạm Tuyết Mai và Nguyễn Thu Hường) -

Dược học, tr. 16-19, 3.1974.

90. *Nghiên cứu đưa vào trồng trọt một số loài bạc hà hoang dại* (Đỗ Tất Lợi, Chu Bá Nam) - Dược học, tr. 4-7, 2.1975.

91. *Một số dẫn liệu bước đầu về tốc độ nhân giống, thời vụ và năng suất của chủng bạc hà BH-974* - Dược học, tr. 28-33, 5. 1976.

92. *Nghiên cứu lấy nọc rắn và sử dụng nọc rắn để chế thuốc* (cùng Trần Kiên và cộng sự) - Dược học, tr. 10-13, 6.1976.

93. *Góp phần nghiên cứu cây chùa dù* (cùng Nguyễn Hải Ban) - Dược học, tr. 10-12, 6.1977.

94. *Nghiên cứu sự biến đổi hàm lượng metol trong tinh dầu bạc hà qua các tháng trong năm* - Dược học, tr. 9-11, 6.1978.

95. *Những vị thuốc nguồn gốc động vật dùng ở Việt nam* (tiếng Nga) - Nguồn gốc tài nguyên sinh học và công dụng của chúng tại Đông và Đông Nam châu Á - Vladivostok, 1978.

96. *Một số chủng hóa học của Mentha Tay Bac - Việt Nam* (cùng Chu Bá Nam) - Dược học, tr. 16-18, 2.1979.

97. *Ở Việt Nam có loài ích mẫu Leonurus sibiricus L.*, Dược học, tr. 11-12, 4.1979.

98. *Tìm hiểu tư liệu về cây xuyên tâm liên* - Dược học, tr. 29-31, 2.1980.

99. *Tìm thời vụ trồng và thu hoạch bạc hà cho năng suất cao nhất trên đơn vị diện tích ở một số tỉnh miền Nam* - Dược học, tr. 13-18, 4.1981.

100. *Làm gì để sớm giải quyết vấn đề thiếu thuốc chữa bệnh* - Báo Nhân dân ngày 18 và 19 tháng 2-1982.

101. *Đề nghị thành lập Trung tâm nghiên cứu và phát triển cây tinh dầu* - Sài Gòn Giải phóng, 28-1-1982.

102. *Nghiên cứu ứng dụng phương pháp vi định lượng vào khảo sát thành phần hóa học tinh dầu bạc hà* (cùng Nguyễn Mạnh Pha và Lê Thúy Hạnh) - Dược học, tr. 23-24, 2.1984.

103. *Tuệ Tinh sinh và hoạt động ở thế kỷ nào?* - Nghiên cứu lịch sử 3 (228), tr. 42-45, 1986.

104. *Tuệ Tinh sống và hoạt động ở thế kỷ XIV hay XVII?* - Dược học, tr. 4-9, 5. 1986.

105. *Native drugs of Vietnam: which traditional and scientific approaches?* (cùng Nguyễn Xuân Dũng) - Journal of Ethnopharmacology 32, pp. 51-56 (Nguồn dược liệu Việt Nam: Các lương y và các nhà khoa học tiếp cận nguồn dược liệu đó như thế nào?).

106. *Selection of traditional medicines for study* (cùng Nguyễn Xuân Dũng) - Journal of Ethnopharmacology 32, pp. 57-70 (Lựa chọn để nghiên cứu nguồn thuốc y học dân tộc cổ truyền như thế nào?).

Cả hai bản đều đã báo cáo tại Hội nghị quốc tế y học dân tộc cổ truyền lần thứ nhất tại Strasbourg (Pháp), 5-

9/6/1990.

107. *Nghiên cứu thành phần, hàm lượng và phân bố các chất vi lượng trong nấm linh chi giống và trồng ở Việt Nam* (cùng Trần Văn Luyện, Cố Đức Trọng) - Dược học, tr. 21-24, 1. 1992.

108. *Tư liệu xác định năm mát của Đại danh y thiền sư Tuệ Tĩnh là ở Việt Nam năm 1713* - Dược học, tr. 29-30, 6. 1992.

109. *Văn bản xác minh năm mát của Đại danh y thiền sư Tuệ Tĩnh là 1713* - Tập chí nghiên cứu lịch sử

(226), tr. 76-80, 1.1993.

110. *Một số điều mới phát hiện về "Vị thánh thuốc nam" Tuệ Tĩnh* - Nhân dân chủ nhật số 23 (408), tr 6, 6-6-1993.

111. *Bao giờ ngành Dược Việt Nam được tổ chức lại?* - Nhân dân chủ nhật số 13 (268), 27-3-1994.

112. *Tìm sự thật về truyền thuyết "Tuệ Tĩnh sinh và hoạt động ở thế kỷ IV"?* - Dược học số 2, tr 5-6, 1996.

113. *Trở lại vấn đề đại danh y Tuệ Tĩnh* - Nghiên cứu lịch sử, III-IV, 1997.

## DỊCH

1. *Nghiên cứu tác dụng chống dị ứng của vỏ núc nác*, dịch từ tài liệu Liên Xô - Dược học, 10 trang, 5.1967.

2. *Tam thất, một cây thuốc quý của y học phương đông*, dịch từ tài liệu Liên Xô - Dược học, 9 trang, 7.1967.

3. *Phân loại thực vật hóa học* (cùng Đỗ Thái Bình), dịch từ tài liệu Liên Xô - Tin tức hoạt động khoa học, 10 trang, 11. 1967.

4. *Những loài thuộc nhóm phụ mới của chi chán chim Schefflera Forst và Forst f. ở miền Bắc Việt Nam*, dịch từ tài liệu Liên Xô do UBKHNN chuyển - Tin tức hoạt động khoa học, 5.1968.

5. *Về việc tìm những cây thuốc mới thuộc họ Ngũ gia bì ở nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa* (cùng Đỗ Thái Bình) - Dược học, tr. 10-16, 1.1969.

6. *Trồng cây tam thất Pseudoginseng Wall. tại nước VNDCCH* (cùng Nguyễn Ngọc Dung và Đỗ Thái Bình), dịch từ tài liệu Liên Xô - Dược học, tr. 5-11, 6.1969.

7. *Kết quả di thực cây củ bình vôi vào Liên Xô* (cùng Nguyễn Ngọc Dung), dịch từ tài liệu Liên Xô - Dược học, tr. 17-120, 1.1970.

8. *Những loài mới trong chi chán chim Schefflera Forst và Forst f. thuộc họ Ngũ gia bì* (cùng Đỗ Thái

Bình), dịch của I.V Grutxvixkii và N.T Xkocxóva - Tập san sinh vật địa, tr. 59-64, 2 và 5.1970.

9. *Những loài mới trong chi chán chim Schefflera Forst và Forst f. thuộc họ Ngũ gia bì ở Việt Nam*, dịch từ bài của I.V. Grutxvixkii và N.T. Xkocxóva - Sinh vật địa VIII, 1 và 2, tháng 2 và 5.1970.

10. *Về đặc điểm của loài chán chim Schefflera tunkinesis Viguer* - Sinh vật địa, tr. 61-62, 3 và 4.

11. *Dùng máy tính điện tử để nghiên cứu đơn thuốc phức hợp đóng y và các vị thuốc trong đó* - Thông báo số 2: *Ba chục cây thuốc thường dùng nhất của y học cổ truyền ở các nước Đông Nam Á* (cùng Đỗ Thái Bình), dịch từ Liên Xô - Tập chí đông y số 112, tr. 65-73, 1971.

12. *Dùng máy tính điện tử để nghiên cứu những đơn thuốc đóng y và các vị thuốc đóng y* - Thông báo số 1: *Đặc điểm chung và những nguyên tắc cấu trúc thuốc đóng y* (cùng Đỗ Thái Bình) - Tin tức hoạt động khoa học, tr. 39-45, 11.1972.

13. *Con ong, dược sĩ có cánh*, dịch từ Nga văn  
- Lần thứ nhất: Thư viện y học trung ương (rônêô), 110 trang, 1971.

- Lần thứ hai: NXB Y học Hà nội và NXB Mir Matxcova, 120 trang, 1984.

## DANH MỤC MỘT SỐ LUẬN ÁN VỀ CÂY THUỐC DO TÁC GIẢ ĐÃ HƯỚNG DẪN VÀ ĐÃ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH BIÊN SOẠN BỘ SÁCH

1. Nghiên cứu về cây hối và tinh dầu hối - *Trịnh Đức Trân*, 1956.

2. Nghiên cứu tác dụng nhuận tràng của lá khoai lang - *Bùi Tá Hoan*, 1957.

3. Nghiên cứu về lá ôi - *Nguyễn Thị Lê*, 1957.

4. Tìm hiểu về các vị thuốc nam trong cửa hàng thuốc

nam thuộc Tổng công ty lâm thổ sản - *Đỗ Huy Bân, Vũ Khanh, Nguyễn Đức Thịnh*, 1957.

5. Sơ bộ định lượng vitamin C trong chanh, ớt và kim chi ở Việt Nam - *Nguyễn Xuân Thu*, 1957.

6. Góp phần nghiên cứu cây vải và hạt vải - *Nguyễn Văn Toại*, 1957.

7. Đẳng sâm và tiền hồ - *Nguyễn Trọng Khánh*, 1961.
8. Bạch giới tử, bạch biến đậu và cối khí - *Đặng Thủ Cúc*, 1961.
9. Hậu phác và huyết giác - *Đặng Thị Mai An*, 1961.
10. Sa sâm và hoàng nàn - *Nguyễn Văn Chi*, 1961.
11. Sen và hà thủ ô trắng - *Phạm Thị Kim*, 1961.
12. Nam sài hổ và kim thoa hoàng thảo - *Trần Văn Hợp*, 1961.
13. Sơn tra và tục doan - *Lê Ánh*, 1961.
14. Nghiên cứu vị ba kích - *Võ Hữu Đức*, 1961.
15. Phương pháp xác định đơn giản và cấp tốc các axit hữu cơ trong dược liệu - *Đinh Bá Bi*, 1964.
16. Phát hiện và định tính đường trong dược liệu - *Nguyễn Vi Ninh*, 1964.
17. Cao xương động vật - *Nguyễn Thị Hạnh*, 1966.
18. Nghiên cứu sử dụng vỏ xoan làm thuốc chữa giun - *Đỗ Văn Thủ*, 1968.
19. Nghiên cứu áp dụng thuốc chế từ clorophyl trong điều trị bong và vết thương - *Trần Phương Thư*, 1968.
20. Nghiên cứu trồng bạc hà và cất tinh dầu bạc hà - trong quy mô hợp tác xã - *Trần Văn Bình*, 1968.
21. Góp phần nghiên cứu cây bòn bột - *Nguyễn Thị Bát*, 1968.
22. Góp phần nghiên cứu cây kim ngân đại - *Nguyễn Văn Khả*, 1968.
23. Góp phần nghiên cứu con tắc kè - *Phạm Thị Đường*, 1968.
24. Quy trình sấy một số dược liệu (cùng hướng dẫn với Phạm Mạnh Toàn) - *Hoàng Thị Kim Thoa*, 1968.
25. Dùng phơi sấy để bảo quản dược liệu (cùng hướng dẫn với Phạm Mạnh Toàn) - *Trần Thị Minh Nguyệt*, 1968.
26. Nghiên cứu vị bạch đằng nữ (cùng hướng dẫn với Bùi Chí Hiếu) - *Lý Bích Trinh*, 1968.
27. Tiếp tục nghiên cứu dùng vỏ xoan làm thuốc - *Nguyễn Văn Niêm*, 1969.
28. Góp phần nghiên cứu cây ké đầu ngựa - *Phạm Thị Kim Loan*, 1969.
29. Góp phần nghiên cứu cây mơ dùng làm nước giải khát - *Dương Văn Đồng*, 1969.
30. Góp phần nghiên cứu cây dâu tằm - *Nguyễn Thành Ân*, 1969.
31. Sinh thái các loài bạc hà mọc hoang dại ở Sơn La - *Nguyễn Công Đăng*, 1969.
32. Vấn đề thuần hóa bạc hà mọc hoang ở Sơn La - *Phan Cá*, 1969.
33. Xây dựng các dạng thuốc từ xoan - *Đặng Văn Trường*, 1970.
34. Xây dựng chuyên luận vị kim ngân - *Nguyễn Hải Ban*, 1970.
35. Tác dụng kháng sinh của các loài kim ngân - *Lê Văn Diện*, 1970.
36. Tìm hiểu sinh thái của loài thạch sùng làm thuốc - *Trần Huyén Trần*, 1970.
37. Phấn hoa và ong - *Võ Ngọc Sơn*, 1970.
38. Xây dựng chuyên luận vị ké đầu ngựa - *Nguyễn Cát*, 1970.
39. Tìm hiểu tổ chức hợp tác xã thuốc dân tộc - *Đoàn Thị Hải*, 1970.
40. Góp phần nghiên cứu vị nha đam từ - *Lê Văn Khâm*, 1971.
41. Nghiên cứu chiết hoạt chất của xoan - *Nguyễn Huy Cửu*, 1971.
42. Góp phần nghiên cứu vị kim ngân lông - *Nguyễn Thị Diệp*, 1971.
43. Góp phần nghiên cứu cây húng và tinh dầu húng ở Sơn La - *Lê Thị Hậu*, 1973.
44. Góp phần nghiên cứu cây đại bi làm nguồn chiết bocneol - *Trịnh Văn Điện*, 1974.
45. Góp phần nghiên cứu cây húng và tinh dầu húng ở Sơn La - *Lê Thị Hậu*, Dược sĩ, 1974.
46. Góp phần nghiên cứu cây chùa dù ở Lai Châu, một cây trong họ Hoa môi chứa tinh dầu có hàm lượng xineol cao - *Nguyễn Hải Ban*, Dược sĩ, 1974.
47. Góp phần nghiên cứu đưa hoạt chất vỏ lụa thân cây xoan vào trị giun (cùng hướng dẫn BS. Phó Đức Thuần) - *Lê Đức Thọ*, Hà nội, 1978.
48. Góp phần nghiên cứu tiêu chuẩn quy cách nhung hươu nai ở Việt Nam - *Đỗ Trọng Khánh*, Chuyên khoa cấp II, 1979.
49. So sánh tác dụng chế phẩm Xirô Melia azedarach và viên piperazin - *Lương y Hoàng Đức Trung*, Trung tâm YHCTDT, TP. Hồ Chí Minh, 1989.
50. Điều trị giun bằng chế phẩm từ vỏ cây xoan Melia azedarach Lin. - *Lương y Nguyễn Đức Nghĩa*, Trung tâm YHCTDT, TP. Hồ Chí Minh, 1989.
51. Những kết quả nghiên cứu bước đầu về cây Rau răm nước - *Trần Thị Kim Hiếu*, Chuyên khoa cấp II, Đại học Dược Hà nội, 1983.
52. Nghiên cứu tách chiết cineol từ tinh dầu tràm trên quy mô công nghiệp trong điều kiện Việt Nam - *Phan Bá Minh*, Luận án PTS, Đại học Dược Hà nội, 1989.

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC  
NHỮNG CÂY THUỐC VÀ VỊ THUỐC VIỆT NAM

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*  
DS. HOÀNG TRỌNG QUANG

*Biên tập:*  
ĐẶNG THẾ VĨNH  
HOÀNG TRỌNG QUANG  
ĐỖ THANH BÌNH

*Sửa bản in:*  
ĐỖ TẤT LỢI  
NGUYỄN DUY DINH

*Trình bày bìa:*  
VĂN SÁNG  
*Tham gia vẽ hình:*  
DS. BÙI XUÂN CHƯƠNG  
*Làm ché bản:*  
KHUẤT DUY LINH ANH

---

In 1.000 cuốn, khổ 19x27 cm, tại Công ty In Công Đoàn Việt Nam, 167 Tây Sơn,  
Đống Đa, Hà Nội. Giấy phép XB số: 23-2006/CXB/345-271/YH cấp ngày 28/3/2006.  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2006.



Giáo sư Tiên sỹ  
ĐỖ TẤT LỢI

# NHỮNG CÂY THUỐC VÀ VỊ THUỐC VIỆT NAM

"TÌNH YÊU VÀ NIỀM SAY MÊ ĐỐI VỚI NỀN  
Y HỌC CỔ TRUYỀN DÂN TỘC ĐÃ ĐUA  
DUỌC SĨ KHÓA CUỐI CÙNG CỦA TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀ NỘI THỜI THUỘC  
PHÁP TRỞ THÀNH NHÀ DƯỢC HỌC LỚN  
NHẤT VIỆT NAM, VỚI CÔNG TRÌNH ĐƯỢC  
GIỚI Y DƯỢC KHOA THẾ GIỚI Nể PHỤC.  
BỘ SÁCH "NHỮNG CÂY THUỐC VÀ VỊ  
THUỐC VIỆT NAM" CỦA GS. TS ĐỖ TẤT LỢI  
CÓ THỂ SÁNH NGANG VỚI BẤT KỲ MỘT  
CÔNG TRÌNH NÀO KHÁC VỀ DƯỢC LIỆU  
NHIỆT ĐỚI..."



Giá: 240.000đ